

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

BÙI XUÂN HẠ

**TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ
XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN,
LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

BÙI XUÂN HẠ

**TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ
XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN,
LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Quang Tiệp

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Bùi Xuân Hạ

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LỖI DÙNG CÁC
QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA
NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ
CHỨC, CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM** 8

- 1.1. Khái niệm tự do, dân chủ, quyền tự do, dân chủ; khái niệm tội
lỗi dùng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà
nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân 8
- 1.1.1. Khái niệm tự do, dân chủ và khái niệm quyền tự do, dân chủ 8
- 1.1.2. Khái niệm tội lỗi dùng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích
của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân 12
- 1.2. Phân biệt tội lỗi dùng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi
ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công
dân với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam 17
- 1.2.1. Phân biệt tội lỗi dùng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi
ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công
dân với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam và tội phá hoại chính sách đoàn kết 18
- 1.2.2. Phân biệt tội lỗi dùng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi
ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công
dân với tội vu khống 24

1.3.	Những quy định của pháp luật trong lịch sử Việt Nam và những quy định của pháp luật nước ngoài trong đấu tranh với hành vi vi phạm liên quan đến vấn đề lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của người khác hoặc lợi ích công cộng	27
1.3.1.	Những quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân lịch sử pháp luật Việt Nam	28
1.3.2.	Những quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới	31
	Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TỪ NĂM 1999 ĐẾN NAY	36
2.1.	Quá trình hình thành, dấu hiệu pháp lý đặc trưng và chính sách xử lý đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành	36
2.1.1.	Quá trình hình thành quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam	36
2.1.2.	Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong Bộ luật hình sự hiện hành	39
2.1.2.	Chính sách xử lý đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam hiện hành	47
2.2.	Thực tiễn xét xử về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân từ năm 1999 đến nay	49

Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ	64
ÁP DỤNG QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	
VỀ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM	
PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH	
HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN	
3.1. Sự cần thiết khách quan phải hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định Bộ luật hình sự Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	64
3.2. Hoàn thiện quy định bộ luật hình sự Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	70
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	74
3.3.1. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa hoạt động lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	74
3.3.2. Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh các hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân	76
3.3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật pháp luật, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến các quyền tự do dân chủ của công dân	78
3.3.4. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp, nâng cao năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp	80
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	85

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.1	So sánh quy định của BLHS hiện hành với kiến nghị sửa đổi bổ sung của tác giả luận văn	73

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
2.1	Tổng hợp số liệu Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân từ năm 1999 đến tháng 6 năm 2014	52

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ đã làm cho các nước XHCN trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đứng trước khó khăn, thử thách. Trong bối cảnh ấy, Đảng, Nhà nước, cùng toàn thể nhân dân Việt Nam vẫn kiên định lập trường bảo vệ chế độ XHCN, tiếp tục đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, mở rộng và bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trước mắt và lâu dài. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách, sử dụng mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt nhằm thay đổi chế độ XHCN ở Việt Nam, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số đối tượng chống đối trong nước, được sự kích động của nước ngoài đã lợi dụng các quyền tự do, dân chủ mà pháp luật quy định để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Mặt khác, do chịu sự tác động của những yếu tố tiêu cực của nền kinh tế thị trường, nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh trong lòng xã hội. Hiện tượng công dân tập trung đông người trái pháp luật, khiếu kiện tập thể, khiếu kiện đông người diễn ra ngày càng nhiều. Hiện tượng một số nhà báo do chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận độc giả đã đưa tin thiếu trung thực, gây dư luận xấu trong xã hội. Một số hành vi lợi dụng quyền khiếu nại tố cáo, quyền tự do báo chí xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân đã xảy ra.

Đấu tranh với những vi phạm trên, năm 1991, Nhà nước ta đã sửa đổi quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985, trong đó bổ sung thêm

một tội mới là tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Quy định về tội phạm này được tiếp tục quy định lại trong Điều 258 BLHS hiện hành.

Mặc dù tỷ lệ các vụ án lợi dụng quyền khiếu nại tố cáo, quyền tự do báo chí xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trên tổng số các vụ án hình sự được đưa xét xử hằng năm rất thấp song do tính chất nhạy cảm nên được dư luận trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm. Các thế lực thù địch và một số phần tử chống đối cũng lợi dụng vấn đề này để vu cáo Nhà nước ta vi phạm dân chủ, nhân quyền.

Về mặt lý luận, nhiều vấn đề lý luận về tự do, dân chủ, công tác đấu tranh với hoạt động lợi dụng quyền tự do dân chủ và quy định của BLHS về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

Do đó, với những lý do nêu trên, tác giả mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***"Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam"*** làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một trong 20 tội quy định tại chương các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính, tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân đã được một số nhà luật học đề cập trong một số giáo trình đại học và sách bình luận BLHS. Chẳng hạn như: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Tập II), do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm), của Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2003; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, (Phần các tội phạm) của TS Cao Thị Oanh (chủ biên), Nxb Giáo dục, năm 2010. *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 2 (Phần các tội phạm)*

của TS Phạm Văn Beo, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009; *Bình luận các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự năm 1999*, do TS. Ưông Chu Lưu chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003; *Bình luận các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự năm 1999*, tập VIII, của tác giả Đinh Văn Quế, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010; TS. Cao Đức Thái, *Điều 258 BLHS năm 1999 và chính sách hình sự của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Tạp chí Nội chính, số 5/2014; v.v...

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên mới chỉ dừng lại ở việc đề cập khái quát hoặc mô tả sơ bộ về các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống các vấn đề lý luận, nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, tổng kết đánh giá thực tiễn xét xử, cũng như chỉ ra tồn tại, vướng mắc trong thực tế để đề xuất các kiến giải lập pháp và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định BLHS Việt Nam về tội phạm này.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định BLHS Việt Nam đối với tội phạm này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu trên, tác giả luận văn đặt cho mình một số nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

Về mặt lý luận: trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong sự phát triển chung của pháp luật hình sự, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về tội phạm này, qua đó xây dựng mô hình lý luận và rút ra ý nghĩa của việc ghi nhận tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: từ việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực tiễn xét xử đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, luận văn đề xuất hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định BLHS về tội phạm này.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân dưới góc độ pháp lý hình sự, trong thời gian từ năm 1999 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Cơ sở của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, về tính nhân đạo của pháp luật, cũng như thành tựu của các ngành khoa học pháp lý như lý luận chung nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu đặc thù và có tính hiện đại, phổ biến như: lịch sử, logic, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của Nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự của Tòa án nhân dân tối cao, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương ban hành có liên quan đến tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm trong các báo cáo của ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa phương, cũng như những thông tin trên mạng internet để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam nghiên cứu tương đối đầy đủ và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Trong luận văn này, tác giả luận văn đã giải quyết về mặt lý luận những vấn đề sau:

1) Phân tích một số vấn đề chung về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý đặc trưng, ý nghĩa và phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác.

2) Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá.

3) Phân tích những quy định cụ thể của BLHS Việt Nam năm 1999 về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền,

lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với những tình tiết định tội, định khung tăng nặng, đồng thời có nghiên cứu so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới để đưa ra những kết luận khoa học về việc tiếp tục hoàn thiện tội phạm này trong BLHS năm 1999.

4) Trên cơ sở phân tích thực tiễn xét xử, luận văn đã đề xuất hoàn thiện và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong tình hình mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học với những đóng góp về mặt khoa học như đã nêu trên.

Về mặt thực tiễn: từ những khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn xét xử đang gặp phải, luận văn đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định BLHS Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học - luật gia, cán bộ thực tiễn, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân từ năm 1999 đến nay

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LỖI DÙNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM TỰ DO, DÂN CHỦ, QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ; KHÁI NIỆM TỘI LỖI DÙNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

1.1.1. Khái niệm tự do, dân chủ và khái niệm quyền tự do, dân chủ

Khi bàn về ý nghĩa và vai trò của tự do đối với sự tồn tại của con người, có tác giả đã viết:

Tự do vừa là bản chất tự nhiên, vừa là khát vọng thường trực của mỗi người. Ai cũng yêu tự do, ai cũng khao khát tự do. Tự do mạnh mẽ và vĩ đại ở chỗ tìm kiếm nó trở thành bản năng sống còn của con người càng thiếu tự do, con người càng khao khát tự do, giống như sự thèm muốn bị thôi thúc bởi cơn khát khi không có nước. Chính vì thế, không một con người nào yên phận sống trong sự nô dịch của người khác và không một dân tộc nào cam chịu sống trong sự kìm kẹp của dân tộc khác. Các cuộc kháng chiến chính là để giải phóng con người ra khỏi sự nô dịch và kiềm tỏa. Sự mãnh liệt của khát vọng tìm kiếm tự do là một trong những tiêu chuẩn để đo đạc sự lành mạnh của một dân tộc" [2, tr. 10].

Khái niệm "tự do" xuất hiện trong hầu khắp ngôn ngữ các dân tộc trên thế giới. Trong tiếng Hy Lạp, tự do được viết là ελευθερία, tiếng Latinh viết là *libertati*; tiếng Anh: *liberty* và tiếng Hoa viết là 自由. Theo Từ điển tiếng Việt thì từ "*tự do*" có thể được sử dụng theo hai cách: tự do với ý nghĩa là một danh từ và tự do với ý nghĩa là một tính từ. Ở dạng từ loại danh từ, tự do được hiểu theo ba nghĩa: 1. Là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên

không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động xã hội - chính trị; 2. Là trạng thái không bị giam cầm hoặc không bị làm nô lệ; 3. Là trạng thái không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong việc làm nào đó. Ở dạng từ loại tính từ, tự do được hiểu theo bốn nghĩa khác nhau. Cụ thể, tự do có nghĩa là: 1. Có các quyền tự do về xã hội - chính trị; 2. Không bị lực lượng ngoại xâm chiếm đóng; 3. Không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong hoạt động cụ thể nào đó; 4. Không có những sự ràng buộc, hạn chế về những mặt nào đó, đối lập với những trường hợp thông thường khác [24, tr. 876].

Từ cách giải thích của Từ điển tiếng Việt như trên, có thể thấy nhìn chung từ "tự do" thường được hiểu là một trạng thái tồn tại của con người trong đó các cá nhân và cộng đồng mà các cá nhân đó hợp thành không bị ước thúc, cấm đoán, hay bị buộc phải làm những gì phi lý, trái với mong muốn và chuẩn mực đạo đức xã hội của họ. "Tự do là khoảng không gian (tưởng tượng) mà ở đó con người có được sự thống nhất giữa ý nghĩ và hành vi, con người yên tâm về sự tồn tại của mình, về hành động của mình mà không chịu sự áp đặt, kiểm tỏa của bất kỳ yếu tố nào" [2, tr. 15]. Nói tóm lại, tự do là trạng thái đối lập với tình trạng con người (cá nhân hay dân tộc) bị áp bức, nô dịch, bị đè nén cả về mặt tư tưởng lẫn các hành động trong thực tế.

Như vậy, có hai loại tự do là tự do tư tưởng và tự do hành động. Con người được tự do hoàn toàn về mặt tư tưởng nhưng bị hạn chế tự do hành động. Montesquieu đã viết: "Tự do chính trị tuyệt đối không phải là muốn làm gì thì làm. Trong một nước có luật pháp, tự do chỉ có thể là được làm những cái nên làm và không bị ép buộc làm điều không nên làm" [22, tr. 99].

Cùng quan điểm với Montesquieu, Hegel cho rằng: "Tự do là cái tất yếu được nhận thức". Nói cách khác, tự do là quyền hành động của con người phù hợp với các quy luật khách quan. Trong xã hội có giai cấp, quy luật khách quan phản ánh trong các quy định pháp luật tiến bộ. Tự do có nghĩa là hành động đúng trong khuôn khổ một nền pháp luật đúng đắn.

Gắn liền với tự do là khái niệm dân chủ. Dân chủ có thể được xem như là nền tảng của tự do và là môi trường trong đó con người được sống tự do. Trong Từ điển tiếng Việt, dân chủ được giải thích là "chế độ dân chủ hoặc quyền dân chủ" [24, tr. 180]. Như vậy, theo ngôn ngữ thông thường, người ta xem dân chủ là một chế độ xã hội mà trong đó người dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Theo cách hiểu này, Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 đã quy định:

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức [30].

Ở góc độ khác, tiếp cận vấn đề theo cách rộng hơn, tác giả Nguyễn Minh Tuấn trong sách *Dân chủ ở xã từ góc nhìn pháp lý* cho rằng có thể giải thích khái niệm dân chủ theo nhiều cách khác nhau:

Dân chủ có thể là một dòng triết học - chính trị (phản ánh qua các giá trị phổ quát: tự do cá nhân, bình đẳng về điều kiện, thống nhất về tính đa dạng); dân chủ là một chỉnh thể hiện thực thu tóm mọi khía cạnh vật chất và tinh thần của dân chủ (nền dân chủ); dân chủ là một khái niệm chính trị - pháp lý (hình thức nhà nước); dân chủ là một hiện thực kinh tế (thị trường tự do); dân chủ là một hiện thực xã hội (các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức xã hội, phong trào lao động và xã hội quốc tế); dân chủ là trạng thái của hệ thống quan hệ quốc tế (quyền tự quyết dân tộc, chủ quyền quốc gia) [50, tr. 9-10].

Theo tác giả Trịnh Tiến Việt trong sách *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo luật hình sự Việt Nam* thì:

Ngày nay, dân chủ không chỉ là mục tiêu phấn đấu của con người, là một vấn đề được tất cả các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng quan tâm, mà còn coi đó là một trong những giá trị có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội nói chung và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng [57, tr. 58].

Tự do và dân chủ đều là những nhu cầu vô cùng thiết yếu đối với con người. Trong các xã hội hiện đại, trách nhiệm của Nhà nước là phải thể chế hóa các vấn đề tự do và dân chủ trong các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Từ cách tiếp cận quyền con người, có thể khẳng định: quyền tự do và dân chủ là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống các quyền cơ bản của con người được ghi nhận không chỉ trong pháp luật quốc gia mà còn trong cả các văn kiện quốc tế quan trọng như Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966...

Ở Việt Nam hiện nay, các quyền tự do dân chủ được ghi nhận trong Chương II Hiến pháp năm 2013, Bộ luật dân sự, BLHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Quyền tự do, dân chủ là những quyền thuộc nhóm "quyền con người". Do vậy, đây là những quyền mang tính chất tự nhiên mà con người, với tư cách là NGƯỜI sinh ra đã có. Pháp luật của Nhà nước chỉ ghi nhận các quyền này vào trong quy định của các văn bản pháp luật nêu trên, xác định nội dung, điều kiện và cơ chế thực thi, bảo vệ nó.

Trong mối quan hệ với quyền con người thì các quyền tự do, dân chủ có phạm vi hẹp hơn. Các quyền tự do, dân chủ chỉ là một bộ phận cấu thành nên tổng thể quyền con người nói chung. Đây là các quyền phản ánh trạng thái tự do và trạng thái dân chủ của con người và xã hội.

Từ sự phân tích nêu trên, có thể đưa ra khái niệm về tự do, dân chủ và quyền tự do, dân chủ như sau:

Tự do và dân chủ là những giá trị xã hội của con người, là trạng thái mà con người tồn tại mà không có áp bức, bất công, được làm những gì mà

mình muốn trên cơ sở của pháp luật và trạng thái người dân bình thường được đưa lên vị trí làm chủ xã hội, trở thành chủ thể của quyền lực xã hội cũng như quyền lực nhà nước.

Quyền tự do, dân chủ là quyền phản ánh những giá trị về tự do và dân chủ, được quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước. Trong đó, quan trọng nhất là quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do hội họp.

1.1.2. Khái niệm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm của Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đưa ra khái niệm về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như sau:

Theo Điều 258 Bộ luật hình sự, tội phạm này được hiểu là hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân [22, tr. 630].

Quan điểm này mới chỉ nêu khái niệm, khách thể của tội phạm và hành vi phạm tội, nhưng thiếu dấu hiệu chủ thể của tội phạm, dấu hiệu đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) và có năng lực TNHS.

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Tập II của Trường Đại học Luật Hà Nội đưa ra khái niệm tương tự:

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân [42, tr. 262].

Trong BLHS năm 1999, nhà nước ta không quy định cụ thể khái niệm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân mà chỉ quy định khái niệm tội phạm nói chung.

Theo khoản 1 Điều 8 BLHS hiện hành thì:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [28].

Từ quy định của BLHS về khái niệm tội phạm nói chung, cũng như căn cứ vào các khái niệm về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được nêu ra trong các tài liệu kể trên, có thể rút ra một số đặc điểm của tội phạm này như sau:

Trước hết, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân phải là *hành vi nguy hiểm cho xã hội*. Theo quy định của BLHS Việt Nam hiện hành, tội phạm nói chung bắt buộc phải là hành vi của con người.

Những gì mới chỉ trong tư tưởng, chưa thể hiện ra bên ngoài bằng hành vi thì không thể là tội phạm. Chỉ qua hành vi của mình, con người mới có thể gây ra thiệt hại, gây ra sự nguy hiểm cho xã hội và những gì trong ý nghĩ, trong tư tưởng của con người cũng chỉ có thể được xác định qua chính những biểu hiện bên ngoài mà trước hết là qua chính hành vi của họ [42, tr. 42].

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là một loại tội phạm cụ thể, do đó cũng phải là những hành vi trái pháp luật cụ thể của con người.

Lý luận luật hình sự Việt Nam khẳng định rằng: "hành vi được hiểu là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan dưới những hình thức cụ thể nhằm đạt được những mục đích có chủ định và mong muốn" [45, tr. 94]. Hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, về nguyên tắc, cũng là xử sự cụ thể của người phạm tội bộc lộ ra bên ngoài thế giới khách quan qua lời nói, cử chỉ, việc làm hay một hành động cụ thể khác. Hành vi thông thường có hai dạng biểu hiện cụ thể là hành động và không hành động. Với đặc trưng của mình, hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân luôn phải được thực hiện dưới hình thức hành động phạm tội.

Hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là nguy hiểm cho xã hội bởi chỉ khi nguy hiểm cho xã hội thì hành vi này mới bị Nhà nước quy định là tội phạm. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thể hiện ở chỗ tội phạm này xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hoặc về vật chất hoặc tinh thần của tổ chức hoặc công dân.

Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong thực tiễn có thể tương đối khác nhau. Hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân chỉ bị coi là tội phạm khi có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đáng kể. Để xác định mức độ đáng kể này, cần dựa vào nhiều căn cứ khác nhau, trong đó tập trung vào các căn cứ như tính chất của hành vi, số

lần thực hiện hành vi, mức độ lỗi, động cơ, mục đích, mức độ hậu quả đã gây ra, nhân thân của người vi phạm...

Thứ hai, tương tự như những tội phạm khác, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được quy định trong BLHS.

Cơ sở của TNHS, theo quy định của Điều 2 BLHS là việc thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong BLHS. Một hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ có thể được coi là tội phạm khi đã được BLHS quy định. Tội lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trước đây được quy định trong Điều 205a của BLHS năm 1985. Hiện nay, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được quy định cụ thể trong Điều 258 BLHS hiện hành.

Qua nghiên cứu quy định của BLHS hiện hành, có thể thấy rằng dấu hiệu của các tội phạm cụ thể không chỉ được quy định trong điều luật thường được trích dẫn ở phần Các tội phạm mà còn được quy định trong cả Phần chung. Đối với tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, ngoài các dấu hiệu đặc thù được mô tả trong Điều 258 BLHS, dấu hiệu của tội này còn được quy định trong phần Chung của BLHS. Cụ thể là được quy định trong Điều 9 (về dấu hiệu lỗi cố ý), Điều 12 (về tuổi chịu TNHS), Điều 13 (về vấn đề năng lực TNHS), Điều 20 (về vấn đề đồng phạm) và trong các điều luật khác có liên quan.

Các quy định nêu trên của BLHS là cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Cơ sở pháp lý càng chính xác, hoàn thiện thì cuộc đấu tranh càng có hiệu quả, bảo vệ được pháp chế XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong giai đoạn mở cửa, hội nhập quốc tế mạnh mẽ của nước ta hiện nay.

Thứ ba, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân phải do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý.

Tội phạm là hành vi của con người song không phải là hành vi của bất kỳ người nào trong xã hội. Quan hệ pháp luật hình sự cũng là một loại quan hệ pháp luật. Người tham gia quan hệ pháp luật hình sự, cũng như khi tham gia các quan hệ pháp luật khác, phải là những người có đủ điều kiện chủ thể quan hệ pháp luật, tức là phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Trong lĩnh vực luật hình sự, năng lực tham gia vào quan hệ pháp luật hình sự được gọi là năng lực TNHS. Người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân phải là người có năng lực TNHS.

Lý luận luật hình sự khẳng định: "Người có năng lực TNHS là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy" [45, tr. 114]. Người có năng lực TNHS thực hiện hành vi phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là người không ở trong tình trạng không có năng lực TNHS quy định tại Điều 13 BLHS hiện hành và đạt độ tuổi luật định.

Theo quy định của luật hình sự Việt Nam, lỗi là dấu hiệu bắt buộc của mọi tội phạm. Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là một tội phạm cụ thể, do vậy cũng phải được thực hiện một cách có lỗi. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, lỗi của người phạm tội này là lỗi cố ý.

Thứ tư, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể nên *cần thiết phải bị xử lý bằng hình phạt*. Tính phải

chịu hình phạt là dấu hiệu chung của mọi tội phạm, trong đó có tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Dấu hiệu "tính phải chịu hình phạt" của tội phạm này phải được hiểu là việc người phạm tội luôn bị đe dọa phải gánh chịu một hình phạt của Nhà nước vì đã thực hiện hành vi phạm tội mà Nhà nước cấm trong BLHS. Trên thực tế, vì lý do nhân đạo hoặc để thực hiện chính sách hình sự, cơ quan có thẩm quyền có thể người phạm tội miễn TNHS hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội.

Từ sự phân tích nêu trên, có thể rút ra khái niệm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như sau:

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác được quy định trong Điều 258 BLHS Việt Nam năm 1999 do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm hại lợi ích của Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, cũng như trật tự chung của xã hội.

1.2. PHÂN BIỆT TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN VỚI MỘT SỐ TỘI PHẠM KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân có nhiều điểm tương đồng với nhiều tội phạm khác trên cả hai phương diện: quy định của BLHS và thực tiễn áp dụng. Do có sự tương đồng này nên để tránh những sai lầm cho hoạt động động nhận thức cũng như hoạt động áp dụng pháp luật, cần phải phân biệt tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với các tội có liên quan.

1.2.1. Phân biệt tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tội phá hoại chính sách đoàn kết

Tội phá hoại chính sách đoàn kết quy định tại Điều 87 BLHS với nội dung cụ thể như sau:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm [28].

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được quy định tại Điều 88 BLHS với nội dung:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân;

c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm [28].

Tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam nêu trên là những tội xâm phạm an ninh quốc gia, đều được quy định trong chương XI của BLHS. Mục đích của người phạm hai tội này đều là chống chính quyền nhân dân, gây khó khăn cho Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong việc bảo đảm an ninh quốc gia, thực hiện các chính sách đối nội và đối ngoại. Trên thực tế, người phạm hai tội này đều là những phần tử bất mãn, chống đối, mong muốn dùng các thủ đoạn "đấu tranh bất bạo động" để chống chính quyền nhân dân.

Giữa tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. Cụ thể là:

- Trong thực tế, cả ba tội nói trên đều xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Vì thuộc nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia nên người phạm hai tội: tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đều hướng hành vi phạm tội của họ đến đối tượng tác động là chính quyền, xâm phạm lợi ích của Nhà nước (chủ yếu là làm mất uy tín của Nhà nước, của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc rộng ra là uy tín của thể chế chính trị) để qua đó chống chính quyền nhân dân.

- Về mặt khách quan, hành vi khách quan của người phạm ba tội nêu trên đều hướng tới xâm hại chính quyền thông qua thủ đoạn mang tính chất "bất bạo động" như xuyên tạc, nói xấu, vu khống, vu cáo chính quyền. Qua nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử người phạm các tội phá hoại

chính sách đoàn kết và tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong thời gian từ năm 2000 đến nay, có thể rút ra nhận xét rằng: trong các vụ án đó, đa số người phạm tội đều lợi dụng các quyền tự do dân chủ, đặc biệt là quyền tự do ngôn luận, tự do tôn giáo để tuyên truyền chống Nhà nước hoặc phá hoại chính sách đoàn kết của Đảng, Nhà nước ta.

- Về hậu quả của tội phạm, hậu quả của cả ba tội này đều là những thiệt hại về tinh thần. Đó là những hậu quả phi vật chất. Thực tiễn cho thấy, hậu quả của các tội phạm này là sự giảm sút uy tín của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên trường quốc tế cũng như đối với chính nhân dân Việt Nam.

- Về đối tượng thực hiện hành vi phạm tội: Theo quy định của BLHS, chủ thể của các tội này đều là những người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định. Thực tiễn cho thấy đối tượng thực hiện cả ba tội trên đều thuộc cùng một nhóm: đó là những người có tư tưởng bất mãn chế độ, có nhân thân xấu, có lịch sử chống phá cách mạng Việt Nam. Trước tác động của những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội những năm qua, đặc biệt do sự tác động của các thế lực thù địch nước ngoài, họ cho rằng thể chế chính trị hiện nay ở Việt Nam là không hợp thời nên tìm mọi cách, trong đó có việc lợi dụng các quyền tự do dân chủ được Hiến pháp và pháp luật thừa nhận để chống đối chính quyền nhân dân, xâm hại lợi ích của Nhà nước và lợi ích chung của xã hội, đe dọa ổn định chính trị của đất nước.

Do có những điểm giống nhau như trên nên rất cần thiết phải phân biệt rành mạch tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân khác với hai tội trên ở những điểm sau đây:

- *Về khách thể của tội phạm:* Tuy về mặt thực tế, cả ba tội đều xâm hại đến lợi ích của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam song khách thể trực tiếp của ba tội này hoàn toàn khác nhau.

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thuộc nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Chương XX của BLHS). Do đó khách thể của tội phạm này là trước hết là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện trong lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Trong khi đó, tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thuộc nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia nên khách thể của cả hai tội này là an ninh quốc gia của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thể hiện qua sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội theo định hướng XHCN ở Việt Nam. Khách thể trực tiếp của tội phá hoại chính sách đoàn kết là chính sách đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Khách thể trực tiếp của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là sự ổn định, thống nhất về mặt tư tưởng chính trị ở Việt Nam, là an ninh của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.

Ngoài việc xâm hại lợi ích của Nhà nước, tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân còn xâm hại tới lợi ích của tổ chức, công dân. Hai tội: phá hoại chính sách đoàn kết và tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam không hướng tới xâm hại hai đối tượng này.

- *Về mặt khách quan:* ba tội nói trên cũng khác nhau ở nhiều điểm. Trước hết, về hành vi khách quan của tội phạm, hành vi khách quan của tội

lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là lợi dụng các quyền tự do, dân chủ mà Hiến pháp và pháp luật quy định như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Trong khi đó, hành vi phạm tội khách quan của tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định trong Điều 87 BLHS là: gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội; gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội và phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

Hành vi phạm tội khách quan của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được Điều 88 BLHS quy định là: tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân; làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Tuy đều là những dạng hành vi xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước mang tính chất "bất bạo động" song các hành vi này khác nhau về bản chất: đối với tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thì hành vi phạm tội chỉ mang tính chất xâm hại các lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân một cách đơn thuần còn hành vi phạm tội của hai tội phá hoại chính sách đoàn kết và tuyên truyền chống chế độ mang bản chất "phản động", do những đối tượng phản động thực hiện với mong muốn sau cùng là thay đổi thể chế chính trị hiện hành ở Việt Nam. Do đó, hành vi phạm tội lợi dụng quyền tự do dân

chủ có thể gần giống về mặt hình thức với hành vi phá hoại chính sách đoàn kết và hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam song giữa chúng khác xa nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội.

Mặt khác, trên thực tế, nhiều người phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết và tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cũng không cần phải lợi dụng vỏ bọc là các quyền tự do dân chủ. Họ có thể công khai, trắng trợn phá hoại chính sách đoàn kết hoặc tuyên truyền chống phá Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Trong mặt khách quan, dấu hiệu hậu quả của ba tội nêu trên đều là những thiệt hại về tinh thần song mức độ cũng như tính chất của các thiệt hại lại không giống nhau. Thường thì mức độ thiệt hại do tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân gây ra thấp hơn với tính chất ít nghiêm trọng hơn. Trong nhiều trường hợp, hành vi phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân chỉ xâm hại các quyền, lợi ích hợp pháp của một tổ chức hoặc cá nhân cụ thể trong xã hội. Hậu quả này không có trong các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và phá hoại chính sách đoàn kết đã xảy ra những năm gần đây.

- Về mặt chủ quan, điểm khác cơ bản nhất giữa tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là ở dấu hiệu mục đích phạm tội. Theo quy định của BLHS Việt Nam hiện hành, mục đích chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc của tất cả các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó có hai tội phá hoại chính sách đoàn kết và tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Trong khi đó, BLHS không quy định dấu hiệu mục đích phạm tội đối với tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền,

lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Như vậy, về mặt pháp lý, người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân không có mục đích chống chính quyền nhân dân vì nếu có mục đích này thì họ phải bị xử lý về các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Trong thực tế, khi xử lý người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam không cần phải chứng minh mục đích phạm tội của các đối tượng phạm tội trong vụ án.

1.2.2. Phân biệt tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với tội vu khống

Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cũng có nhiều điểm chung với tội vu khống. Hiện nay, tội vu khống được quy định tại Điều 122 BLHS năm 1999 với nội dung cụ thể như sau:

1. Người nào bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Đối với nhiều người;
- d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;
- đ) Đối với người thi hành công vụ;

e) Vụ không người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm [28].

Có thể nêu lên những điểm giống nhau cơ bản giữa tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống là:

- Cả hai tội: tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống đều xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Lợi ích mà người phạm hai tội này xâm phạm có thể là lợi ích liên quan đến nhân thân con người nhưng cũng có thể là lợi ích vật chất. Người phạm tội, khi thực hiện tội phạm của họ có thể gây ra những thiệt hại (thường là gián tiếp) cho tài sản của người khác.

- Điểm giống thứ hai, về mặt khách quan, người phạm hai tội: tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống đều sử dụng những thủ đoạn không mang tính chất bạo lực để xâm hại đến những lợi ích nói trên. Trong tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, người phạm tội cũng có thể có hành vi như bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt để gây thiệt hại cho lợi ích của người khác nhằm đạt được mục đích riêng của họ.

- Điểm giống thứ ba, người phạm cả hai tội: tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống đều thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích cá nhân mà không phải để nhằm chống chính quyền nhân dân. Nói cách khác, theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, hai tội phạm này không

phải là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, không có tính chất "tội phạm chính trị" theo như cách diễn đạt của nước ngoài.

- Điểm giống thứ tư, về phạm vi của TNHS, pháp luật Việt Nam hiện hành đều quy định hai tội: tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống thuộc nhóm tội ít nghiêm trọng (ở khung 1) và tội nghiêm trọng (ở khung 2). Như vậy, theo đánh giá của các nhà lập pháp Việt Nam, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hai tội này là không cao, không giống như các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XI BLHS.

Bên cạnh những điểm giống nhau như trên, hai tội: tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và tội vu khống có những điểm khác biệt cơ bản dưới đây cần phải làm rõ:

- Điểm khác biệt thứ nhất: mặc dù đều xâm hại đến lợi ích của người khác song khách thể loại và khách thể trực tiếp của hai tội phạm nói trên hoàn toàn khác nhau. Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được quy định trong chương Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, trực tiếp xâm hại chế độ quản lý hành chính của Nhà nước trên một số lĩnh vực như báo chí, tôn giáo, trật tự công cộng... Trong khi đó, tội vu khống được quy định trong Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người. Do vậy, tội vu khống xâm phạm quyền nhân thân của con người mà trực tiếp là quyền được bảo hộ về nhân phẩm, danh dự con người.

Điểm khác biệt thứ hai: trong tội vu khống, người phạm tội không có ý thức sử dụng các quyền tự do, dân chủ mà pháp luật quy định như một phương tiện phạm tội. Hành vi của họ hoặc là bịa đặt hoặc là loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt để xâm hại lợi ích hoặc xúc phạm danh dự của

người khác. Trong khi đó, lợi dụng các quyền tự do dân chủ để phạm tội là thủ đoạn bắt buộc phải có trong cấu thành tội phạm của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Điểm khác thứ ba: về đối tượng xâm hại, người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thường hướng đến đối tượng là Nhà nước hoặc các tổ chức, doanh nghiệp. Trong khi đó, đối tượng bị xâm hại của tội vu khống thường chỉ là các cá nhân mà người phạm tội có thái độ thù ghét hoặc có mâu thuẫn từ trước.

1.3. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI TRONG ĐẤU TRANH VỚI HÀNH VI VI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI KHÁC HOẶC LỢI ÍCH CÔNG CỘNG

Qua nghiên cứu quy định của luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến và luật hình sự một số nước trên thế giới, có thể thấy rằng trong pháp luật Việt Nam truyền thống cũng như pháp luật các nước trên thế giới hiện nay không có tội danh lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Tuy nhiên, nội dung hay tinh thần của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam hiện hành vẫn hiện hữu trong một số tội danh khác trong cả cổ luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài đương đại. Đây chắc chắn là những điểm tương đồng của luật hình sự thực định Việt Nam với pháp luật của các nước trên thế giới và pháp luật cổ xưa của chính người Việt Nam. Mặt khác, qua nghiên cứu những điểm tương đồng này, chúng ta sẽ có thêm kinh nghiệm để hoàn thiện hơn quy định của Điều 258 BLHS hiện hành.

1.3.1. Những quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân lịch sử pháp luật Việt Nam

Thời kỳ phong kiến, Nhà nước Việt Nam được xây dựng theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền như hầu hết các quốc gia phương Đông khác. Quan hệ giữa người dân với Nhà nước mang tính chất bất bình đẳng. Người dân không phải là công dân mà là thân dân, không được hưởng các quyền tự do dân chủ, không biết đến nhân quyền như những quyền tự nhiên của mình. Do đó, trong chế độ phong kiến, không thể có tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Tuy không có sự hiện hữu của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật song các Bộ luật lớn như Quốc triều hình luật và Hoàng Việt Luật lệ đều có quy định trừng phạt những kẻ nào lợi dụng việc tâu trình, dâng thư hay tôn giáo để gây rối loạn trật tự xã hội. Chẳng hạn, Điều 3 Chương Đạo tặc của Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức nhà Lê) có quy định:

Những kẻ làm ra những cuốn sách hoặc câu nói yêu quái thì xử tội giảo (nghĩa là làm ra những cuốn sách hay câu nói về điềm lành gở hoặc chuyện quỷ thần nói về sự cát hung không hợp lẽ phải). Những kẻ huyền truyền hay dùng những sách và câu yêu quái kể trên, để xui giục dân chúng, thì cũng bị tội như kẻ tạo ra. Những kẻ làm và truyền bài về ca dao, từ khúc nói đến việc nước, mà lời lẽ tỏ ra chỉ trích, chê bai, có ý bất thuận triều đình; hay là đặt ra lời phao tin đồn nhảm, để làm náo loạn dân chúng, thì đều xử lưu đi châu xa. Những kẻ giấu dùng những bài cao dao, từ khúc ấy, thì bị tội nhẹ hơn tội trên một bậc; những kẻ ngồi nghe, ở nhà hay hàng quán chợ, đều xử nhẹ hơn tội trên hai bậc nữa. Những kẻ đặt ra câu

đồng dao dính dáng đến truyện quái gở, rối loạn, thì xử lưu đi châu gần; những kẻ truyền đọc đi những câu ấy, thì, thì phải biếm ba tư. Những đầu mục và xã, phường quan ở nơi ấy, không lòng bắt đem trình quan trên, thì phải tội biếm hay đồ; quan huyện biết việc ấy mà cứ dung túng, thì xử biếm hay bãi chức; quan phủ không phát giác việc ấy, thì phải phạt. Người khác lòng bắt được kẻ phạm pháp, hay tố cáo ra, thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ [54, tr. 154].

Theo lời văn của Điều 3 Chương Đạo tặc nêu trên, Nhà nước phong kiến Việt Nam xử phạt người có những hành vi sau đây:

- Làm ra các loại tài liệu nói về những chuyện lành dữ, mê tín sai trái, không đúng sự thật.
- Phát ngôn những câu nói có nội dung nói trên.
- Truyền bá các loại tài liệu hoặc các câu nói có nội dung bị cấm.
- Sử dụng các loại tài liệu hay câu nói có nội dung bị cấm để kích động, xúi giục, gây ảnh hưởng đến dân chúng.
- Phao tin đồn nhảm, để làm náo loạn dân chúng.
- Làm và truyền bài về ca dao, từ khúc nói đến việc nước, mà lời lẽ tỏ ra chỉ trích, chê bai, có ý bất thuận triều đình.
- Tàng trữ hoặc ngồi nghe các bài ca dao, từ khúc nói trên.
- Đặt ra lời phao tin đồn nhảm, để làm náo loạn dân chúng.

Từ những hành vi đã nêu, nhất là hành vi "*làm và truyền bài về ca dao, từ khúc nói đến việc nước, mà lời lẽ tỏ ra chỉ trích, chê bai, có ý bất thuận triều đình*", có thể thấy chính sách của Nhà nước phong kiến Việt Nam là đề cao trật tự xã hội, ngăn cấm, trừng trị mọi hành vi có khả năng gây rối loạn trật tự xã hội, kể cả hành vi được thực hiện dưới dạng phát ngôn hay sáng tác gây hại cho quan hệ xã hội nêu trên.

Nếu như Điều 3 Chương Đạo tặc có một số điểm gần gũi với cả hai tội: tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và tội lợi

dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (trong BLHS hiện hành) thì Điều 45 Chương Đấu tụng của Quốc triều hình luật lại có nhiều nội dung tương tự với nội dung cấu thành tội phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân hơn.

Điều 45 Chương Đấu tụng của Quốc triều Hình luật quy định:

Kẻ làm đơn từ kiện cáo mà phỉ báng quan ty, thì xử biếm một tư; phỉ báng quan tể tướng đến mức gây nguy hại thì xử tội đồ làm chúng điền binh; không thậm tệ thì xử biếm ba tư; phỉ báng đến chính sự đương thời, thì xử tội như là tội gửi thư giấu tên chê bai chính sự đương thời [54, tr. 184].

Hành vi phạm tội nêu trên không thuộc phạm vi của tội vu khống vì tội vu khống đã được quy định tại các Điều 38, 39, 41 Chương Đấu tụng của Quốc triều Hình luật. Nội dung của Điều 45 Chương Đấu tụng đề cập đến sự việc người phạm tội lợi dụng việc khiếu nại, kiện cáo mà xúc phạm quan trên. Hành vi nào có thể được liên tưởng tới hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo trong "các quyền tự do, dân chủ khác" mà Điều 258 BLHS hiện hành nhắc tới.

Từ hai điều luật của Quốc triều Hình luật nêu trên, có thể thấy:

- Hành vi lợi dụng những việc làm bình thường, hợp pháp, biến chúng thành vỏ bọc để thực hiện một âm mưu, ý đồ hay toan tính cá nhân nào đó đã xuất hiện từ nhiều thế kỷ trước trong lịch sử Việt Nam.

- Nhà nước phong kiến Việt Nam trước đây đã biết đến và quan tâm đến những loại hành vi nguy hiểm cho xã hội này.

- Việc quy định những hành vi nói trên là tội phạm đã có sự phân biệt các trường hợp phạm tội khác nhau; các chế tài hình sự xử lý những hành vi đó cũng thể hiện nguyên tắc phân hóa tội phạm rõ ràng.

- Cách quy định của luật hình sự phong kiến về các tội phạm trên là tương đối cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu và dễ áp dụng.

Những điều trên có thể là bài học kinh nghiệm cho các nhà lập pháp hình sự hiện hành trong việc hoàn thiện quy định của Điều 258 BLHS hiện hành.

1.3.2. Những quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới

*** *Trung Quốc***

Trung Quốc là quốc gia láng giềng có nhiều điểm gần gũi với Việt Nam: cùng nằm trong khu vực Á đông, cùng chế độ chính trị nhất nguyên do Đảng Cộng sản lãnh đạo, cùng trải qua thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, cùng thực hiện mục tiêu tiến lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, kinh nghiệm đấu tranh với những hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm hại các lợi ích hợp pháp của Trung Quốc có thể là bài học cho công tác lập pháp hình sự Việt Nam.

Nguồn chủ yếu của pháp luật hình sự Trung Quốc hiện hành là BLHS năm 1997 (mà lần sửa đổi, bổ sung mới nhất là vào tháng 2 năm 2005). Nghiên cứu quy định của BLHS Trung Quốc năm 1997, có thể thấy một số điều luật sau đây có nội dung liên quan đến tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam.

Điều 296 BLHS năm 1997 của Trung Quốc quy định:

Người nào tiến hành tụ tập, diễn hành thị uy mà không xin phép theo quy định của pháp luật hoặc đã xin phép nhưng chưa được sự đồng ý, hoặc không căn cứ vào thời gian, địa điểm, tuyến đường cho phép của cơ quan chủ quản, chống lại mệnh lệnh giải tán, phá hoại nghiêm trọng trật tự xã hội, thì người chịu trách nhiệm trực tiếp và những người phụ trách việc tụ tập, diễn hành, thị uy bị phạt tù đến 5 năm, cải tạo lao động, quản chế hoặc bị tước quyền lợi chính trị [15, tr. 185].

Điều 300 BLHS năm 1997 của Trung Quốc quy định:

Người nào tổ chức và lợi dụng các môn đạo, tổ chức tà giáo hoặc lợi dụng mê tín phá hoại pháp luật của Nhà nước và việc thực thi pháp quy hành chính, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm; nếu có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù có thời hạn từ 7 năm trở lên.

Nếu tổ chức và lợi dụng các môn đạo, tổ chức tà đạo hoặc lợi dụng mê tín để lừa gạt người khác, dẫn đến tử vong, thì bị xử phạt theo quy định trên.

Nếu tổ chức và lợi dụng các môn đạo, tổ chức tà giáo hoặc lợi dụng mê tín gian dân với phụ nữ, lừa gạt tài sản, thì bị xử theo quy định tại Điều 236 và 266 của Bộ luật này [15, tr. 186].

Từ các điều luật nêu trên có thể thấy:

- Trung Quốc không có tội danh riêng về lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức hoặc công dân.

- Các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức hoặc công dân được luật hình sự Trung Quốc cá thể hóa thành nhiều tội phạm cụ thể.

- Luật hình sự Trung Quốc chỉ giới hạn xử lý hai hành vi liên quan đến việc lợi dụng quyền tự do dân chủ: hành vi biểu tình trái pháp luật (quy định tại Điều 296 BLHS) và hành vi lợi dụng quyền tự do tôn giáo (quy định tại Điều 300 BLHS) nêu trên.

- Mặc dù pháp luật Trung Quốc được xây dựng dựa trên đặc điểm đặc thù của xã hội Trung Quốc song việc Trung Quốc hạn chế mở rộng phạm vi trừng trị những hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ cũng như triệt để thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hành vi phạm tội cũng là một bài học kinh nghiệm lập pháp đối với Việt Nam hiện nay.

*** Liên bang Nga**

Liên quan tới Điều 258 BLHS Việt Nam hiện hành, luật hình sự Cộng hòa Liên bang Nga có cách tiếp cận các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ khác với luật hình sự Trung Quốc và luật hình sự Việt Nam.

Các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, tổ chức hoặc công dân ở Nga được nhà làm luật Cộng hòa Liên bang Nga chia thành hai nhóm:

- Nhóm thứ nhất: bao gồm một số tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.
- Nhóm thứ hai: đưa vào Chương 25. Các tội xâm phạm sức khỏe của dân chúng và đạo đức xã hội của BLHS Nga.

Trước hết, về nhóm thứ nhất: BLHS Liên bang Nga hiện hành có một số quy định dưới đây:

- Điều 280 BLHS Nga quy định về tội công khai kêu gọi cho các hoạt động cực đoan. Theo quy định của điều luật này thì người nào công khai kêu gọi tiến hành các hoạt động cực đoan thì sẽ bị phạt tiền, phạt giam từ 4 đến 6 tháng hoặc bị phạt tù đến 3 năm.

- Điều 282-1 BLHS Nga quy định về tội tổ chức các hội cực đoan. Theo quy định của điều luật này thì người thành lập ra các hội cực đoan hay tham gia vào các tổ chức đó thì đều bị xử lý hình sự.

- Điều 282-2 BLHS Nga về tội tổ chức hoạt động của các tổ chức cực đoan, trong đó quy định rõ: "Tổ chức hoạt động của các tổ chức xã hội hoặc tôn giáo hoặc các tổ chức khác, mà đã bị Tòa án ra phán quyết về việc xóa bỏ hay cấm hoạt động vì có liên quan đến thực hiện các hoạt động cực đoan thì bị phạt tiền từ một trăm nghìn rúp đến ba trăm nghìn rúp..." [48, tr. 520].

Các điều luật nêu trên đều được quy định trong Chương 29 với tiêu đề là Các tội xâm phạm Hiến pháp và an ninh quốc gia. Tuy nhiên, khi mô tả cấu thành các tội phạm này, nhà làm luật Nga không quy định dấu hiệu mục đích chống chính quyền Nga. Điều này cho phép khẳng định mối quan hệ gần gũi

giữa các tội phạm đã nêu với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân tại Điều 258 BLHS hiện hành Việt Nam.

Cần lưu ý thêm một điểm khác là, ngoài các điều luật nêu trên, luật hình sự Nga còn có một điều luật khác cũng có một điều luật khác tại Chương Các tội xâm phạm sức khỏe của dân chúng và đạo đức xã hội cũng tương tự như Điều 258 BLHS Việt Nam.

Điều 239 Chương 25. Các tội xâm phạm sức khỏe của dân chúng và đạo đức xã hội của BLHS Nga quy định:

1. Thành lập các tổ chức xã hội hoặc tôn giáo mà hoạt động của các tổ chức này gắn liền với việc sử dụng vũ lực hoặc gây ra các tổn hại khác cho sức khỏe dân chúng, hoặc kích động người dân từ chối thực hiện nghĩa vụ công dân hoặc thực hiện các hành vi trái pháp luật khác, cũng như lãnh đạo các tổ chức này thì bị phạt tiền đến 200 nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến mười tám tháng...

2. Tham gia vào hoạt động của các tổ chức nêu trên, cũng như truyền bá các hành vi được quy định tại khoản 1 điều luật này thì bị phạt tiền đến một trăm nghìn rúp... [48, tr. 452; 454].

Nghiên cứu các quy định nêu trên của luật hình sự Cộng hòa Liên bang Nga, có thể thấy rằng:

- Liên quan đến hành vi lợi dụng các quyền tự do, dân chủ, quy định của luật hình sự Cộng hòa Liên bang Nga chi tiết hơn, cụ thể hơn so với luật hình sự Việt Nam.

- Quy định của luật hình sự Cộng hòa liên bang Nga, cũng như luật hình sự Trung Quốc giới hạn phạm vi các quyền tự do, dân chủ bị lợi dụng. Cụ thể, trong luật của Nga, nhà làm luật chỉ tội phạm hóa hành vi lợi dụng quyền tự do lập hội và quyền tự do ngôn luận mà thôi.

Tóm lại, từ kết quả nghiên cứu của Chương 1, có thể thấy tự do và dân chủ là những quyền tự nhiên của con người được pháp luật ghi nhận và bảo hộ. Để bảo vệ các quyền tự do, dân chủ, đồng thời đảm bảo cho việc sử dụng quyền tự do, dân chủ được đúng đắn, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, luật hình sự Việt Nam vừa quy định các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, vừa quy định tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích của tổ chức, công dân trong BLHS.

Về mặt khoa học, có thể đưa ra khái niệm: Tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Điều 258 (và các điều luật khác trong phần chung của BLHS), do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm hại lợi ích của Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, xâm hại trật tự chung của xã hội. Đây là tội phạm có nhiều điểm tương đồng và khác biệt với một số tội phạm khác được quy định trong BLHS như tội Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tội Phá hoại chính sách đoàn kết, tội Vu khống...

So sánh với luật hình sự một số nước trên thế giới, có thể thấy rằng tuy các nước không quy định tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, song nhiều nội dung thuộc cấu thành của tội phạm này cũng được phản ánh trong một số điều luật trong BLHS một số nước như Nga và Trung Quốc.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI LỖI DÙNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TỪ NĂM 1999 ĐẾN NAY

2.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG VÀ CHÍNH SÁCH XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI LỖI DÙNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1.1. Quá trình hình thành quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam

Trong lịch sử lập pháp Việt Nam hiện đại từ năm 1945 đến nay, quá trình hình thành quy định về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân gắn liền với việc ghi nhận và cụ thể hóa các quyền cơ bản của công dân. Quyền và nghĩa vụ của công dân phải được quy định song hành với nhau. Nhà nước công nhận và bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân, đồng thời cũng yêu cầu công dân thực hiện các quyền ấy với tinh thần xây dựng, không lợi dụng quyền để xâm hại lợi ích của người khác và lợi ích công cộng.

Trước lần pháp điển hóa thứ nhất, các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ được quy định trong nhiều văn bản pháp luật đơn hành khác nhau. Chẳng hạn, Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 kèm theo luật về chế độ báo chí có quy định:

Để quyền tự do ngôn luận trên báo chí được sử dụng một cách đúng đắn, báo chí phải tuân theo những điều sau đây:

a) Không được tuyên truyền chống pháp luật của nhà nước.

Không được cổ động nhân dân không thi hành hoặc chống lại những luật lệ và những đường lối chính sách của Nhà nước. Không được viết bài có tính chất chống lại chế độ dân chủ nhân dân, chống lại chính quyền nhân dân, chia rẽ nhân dân và chính quyền, nhân dân và bộ đội, không được gây ra những dư luận hoặc những hành động có hại cho an ninh trật tự xã hội.

b) Không được tuyên truyền phá hoại sự nghiệp củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ của nước Việt Nam, làm giảm sút tinh thần đoàn kết, ý chí phấn đấu của nhân dân và bộ đội.

c) Không được tuyên truyền chia rẽ dân tộc, gây thù hằn giữa nhân dân các nước, làm tổn hại tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước bạn, không được tuyên truyền cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, không được tuyên truyền cho chủ nghĩa đế quốc, không được tuyên truyền chiến tranh.

d) Không được tiết lộ bí mật quốc gia như: những bí mật quốc phòng, những hội nghị cơ mật chưa có công bố chính thức của cơ quan có trách nhiệm, những vụ án đang điều tra chưa xét xử, những bản án mà tòa án không cho phép công bố, những tài liệu, số liệu và những cơ sở kiến thiết về kinh tế, tài chính mà Ủy ban kế hoạch nhà nước hoặc các cơ quan có thẩm quyền chưa công bố.

e) Không được tuyên truyền dâm ô, trụy lạc, đồi bại [10, Điều 9].

Đoạn thứ 2 Điều 13 Sắc lệnh nói trên cũng quy định:

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: tùy theo lỗi nặng nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình bản tạm thời, đình bản vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước tòa án, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng đến một triệu đồng, hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến hai năm, hoặc cả hai hình

phạt đó. Nếu xét đương sự phạm vào những luật lệ khác, tòa án sẽ chiếu theo những luật lệ ấy mà trừng phạt thêm [10].

Khi BLHS năm 1985 được ban hành, hành vi lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân lúc đầu chưa được quy định là tội phạm.

Đến ngày 12/8/1991, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung BLHS (năm 1985), tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân mới chính thức được ghi nhận trong Điều 205a. Nội dung cụ thể của điều luật này như sau:

Điều 205a. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân.

Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, quyền hội họp, lập hội hoặc các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm [27].

Khi BLHS năm 1999 được ban hành, Điều 205a được sửa đổi thành Điều 258 BLHS hiện hành. BLHS hiện hành quy định:

Điều 258. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm [28].

So với Điều 205a Luật sửa đổi, bổ sung BLHS 1985 ngày 12/8/1991, Điều 258 BLHS năm 1999 có những điểm mới sau đây:

- Bổ sung thêm từ "tôn giáo" vào cụm từ "*tự do tín ngưỡng, tôn giáo*" trong cấu thành tội phạm mà điều luật ghi nhận.

- Sửa đổi cụm từ "tổ chức xã hội" thành từ "tổ chức" trong tình tiết "*xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân*".

- Bổ sung khoản 2 với tình tiết định khung "*Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng*".

- Sửa đổi hình phạt áp dụng đối với người phạm tội này. Trước đây, trong Điều 205a, hình phạt đối với người phạm tội được quy định là "phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm" thì trong Điều 258 BLHS năm 1999, hình phạt được chia thành 2 khung: khung 1 "*phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*" và khung 2 "*phạt tù từ hai năm đến bảy năm*".

2.1.2. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong Bộ luật hình sự hiện hành

Tội phạm nói chung là thể thống nhất giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra ngoài thể giới khách quan với những biểu hiện tâm lý bên trong của người phạm tội. Tội phạm do con người phạm tội cụ thể (thể nhân) thực hiện, xâm hại đến những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Tội phạm bất kỳ luôn được cấu thành từ bốn yếu tố: khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan. Dựa vào các yếu tố này, nhà làm luật đưa ra sự mô tả, phản ánh của mình về tội phạm và ghi nhận chúng vào trong các điều luật cụ thể của BLHS. Các dấu hiệu thuộc bốn yếu tố: khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan được nhà làm luật mô tả trong BLHS gọi là các dấu hiệu pháp lý của tội phạm.

Dấu hiệu pháp lý của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là những

dấu hiệu của tội phạm này được nhà làm luật mô tả trong Điều 258 và các điều luật khác thuộc phần chung BLHS.

Về mặt lý luận, các nhà nghiên cứu nước ta chia các dấu hiệu pháp lý của tội phạm thành dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm cơ bản và dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tăng nặng hoặc cấu thành giảm nhẹ. Đối với tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, từ đặc điểm tình hình tội phạm xảy ra trong thực tế cũng như yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh, nhà làm luật chỉ xây dựng hai loại cấu thành là: cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng. Tương ứng với hai loại cấu thành này, ta sẽ có:

- Dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

- Dấu hiệu cấu thành tăng nặng của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

a) Dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Dấu hiệu cấu thành cơ bản là dấu hiệu phản ánh bản chất nguy hiểm cho xã hội của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và cho phép phân biệt tội phạm này với các tội phạm khác trong BLHS. Nói cách khác, đây là những dấu hiệu được sử dụng để định tội cho các hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân xảy ra ngoài thực tế khách quan.

Dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, như đã trình bày ở trên, được hình thành từ bốn nhóm yếu tố: khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm.

Trước hết, về khách thể của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị hành vi phạm tội xâm hại. Khách thể của tội phạm là yếu tố phản ánh rõ rệt nhất bản chất nguy hiểm cho xã hội của từng loại tội phạm cụ thể.

Căn cứ vào quy định của Điều 258 BLHS hiện hành, có thể thấy: khách thể trực tiếp của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Nhà làm luật không quy định rõ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức công dân là những lợi ích cụ thể nào. Tuy nhiên, có thể hiểu đây là những lợi ích hợp pháp, chính đáng của tất cả cá chủ thể xã hội (bao gồm chủ thể Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các tổ chức được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và mọi cá nhân (kể cả người nước ngoài) đang cư trú, sinh sống, làm việc trên lãnh thổ Việt Nam. Các lợi ích này có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy lợi ích mà người phạm tội xâm phạm thường là lợi ích phi vật chất. Đối với Nhà nước, lợi ích bị xâm hại là uy tín của Nhà nước đối với quần chúng nhân dân cũng như vị thế quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ yếu tố khách thể của tội phạm, có thể rút ra nhận xét sau đây:

- Các quan hệ xã hội mà luật hình sự Việt Nam bảo vệ chống lại sự xâm hại của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân có phạm vi rất rộng, bao trùm lên tất cả các lợi ích hợp pháp của mọi chủ thể trong xã hội. Đây là vấn đề cần xem xét, nghiên cứu và tính toán một cách kỹ lưỡng hơn vì thực tế không có một hành vi phạm tội nào lại có khách thể xâm hại rộng và nhiều như vậy.

- Việc đưa tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân vào chương XX của

BLHS (chương Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính) là không hợp lý vì khách thể loại của tất cả các tội phạm trong nhóm này đều phải xâm hại đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong khi đó, tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, về bản chất không xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước mà xâm phạm đến các lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội.

Thứ hai, về các dấu hiệu thuộc về mặt khách quan của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Mặt khách quan của tội phạm bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Những biểu hiện hay dấu hiệu phổ biến của tội phạm tồn tại bên ngoài thế giới khách quan gồm: hành vi khách quan của tội phạm, hậu quả của tội phạm, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả của tội phạm, công cụ, phương tiện phạm tội và các dấu hiệu khách quan khác. Trong các dấu hiệu nói trên, hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc của mọi tội phạm vì không có hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội thì không có tội phạm xảy ra.

Theo quy định của Điều 258 BLHS, hành vi khách quan của tội phạm được mô tả là "hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân" [28].

Tác giả Đinh Văn Quế trong Tập VIII của Bộ sách *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự* cho rằng:

Người thực hiện hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân có thể thực hiện một trong các hành vi như: lợi dụng

các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Nếu nói một cách khái quát thì người phạm tội này có hai hành vi chính, đó là hành vi lợi dụng và hành vi xâm phạm. Lợi dụng và xâm phạm là hai hành vi cần và đủ, nếu lợi dụng nhưng chưa xâm phạm hoặc xâm phạm nhưng không lợi dụng thì chưa phải là hành vi phạm tội này [25, tr. 24].

Quan niệm như trên về hành vi khách quan trong tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là chưa phù hợp với lý luận luật hình sự Việt Nam hiện đại. Bởi lẽ, trong lý luận hiện hay, hành vi khách quan và thủ đoạn để thực hiện hành vi khách quan là hai dấu hiệu có tính độc lập tương đối với nhau. Hành vi khách quan là xử xử khách quan được ý thức kiểm soát và ý chí điều khiển xâm hại quan hệ xã hội mà luật hình sự bảo vệ. Còn thủ đoạn phạm tội là cách thức mà người phạm tội sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi khách quan có thể chỉ thuộc một loại nhưng thủ đoạn phạm tội thường có rất nhiều. Trong quy định của BLHS, có trường hợp nhà làm luật chỉ mô tả dấu hiệu hành vi khách quan nhưng cũng có trường hợp, ngoài dấu hiệu hành vi khách quan, nhà lập pháp còn mô tả cả thủ đoạn phạm tội.

Do đó, cần nhận thức rằng: hành vi khách quan của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi xâm phạm trái pháp luật các lợi ích được pháp luật bảo vệ của các chủ thể quan hệ xã hội. Lợi dụng các quyền tự do dân chủ chỉ là thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội đó.

Trong Điều 258 BLHS hiện hành, nhà làm luật không mô tả cụ thể hành vi trái pháp luật, xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp

của tổ chức, công dân là hành vi gì mà chỉ nhắc đến dấu hiệu trái pháp luật của hành vi đó. Có thể hiểu, hành vi khách quan của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là mọi hành vi trái pháp luật do cá nhân con người thực hiện một cách cố ý với ý thức là xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội nêu trên được nhà làm luật mô tả là: *lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác.*

Như đã trình bày ở trên, thủ đoạn phạm tội là cách thức mà người phạm tội sử dụng để thực hiện tội phạm. Có nhiều loại thủ đoạn phạm tội khác nhau. Mỗi loại tội phạm thường có những thủ đoạn phạm tội tương ứng. Chẳng hạn, thủ đoạn phổ biến của tội trộm cắp tài sản là lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản. Đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thủ đoạn phạm tội được nhà làm luật đưa vào quy định của BLHS là lợi dụng các quyền tự do dân chủ để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm các lợi ích hợp pháp.

Lợi dụng các quyền tự do dân chủ có nghĩa là sử dụng các quyền tự do dân chủ như một thứ vỏ bọc để thực hiện hành vi trái pháp luật. Với thủ đoạn này, nhìn bề ngoài, hành vi phạm tội dường như là phù hợp với quy định của pháp luật, được thực hiện trên tinh thần pháp luật song thực chất lại là hành vi phá hoại pháp luật, mượn danh nghĩa thực hiện pháp luật để xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức công dân.

Có thể nói, lợi dụng các quyền tự do, dân chủ là một dạng đặc biệt của thủ đoạn xảo quyệt (là tình tiết nặng nặng TNHS quy định tại điểm m khoản 1 Điều 48 BLHS). Tuy nhiên, do thủ đoạn này phản ánh đặc trưng cũng như bản chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm nên đã được nhà làm luật đưa vào quy định của BLHS như là tình tiết định tội của tội lợi dụng các quyền tự

do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Trong Điều 258 BLHS hiện hành, nhà làm luật có liệt kê một số quyền tự do dân chủ được người phạm tội lợi dụng phổ biến trong thực tế. Cụ thể là:

- Quyền tự do ngôn luận;
- Quyền tự do báo chí;
- Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;
- Quyền tự do hội họp;
- Quyền lập hội;
- Các quyền tự do dân chủ khác.

Về dấu hiệu hậu quả của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Hậu quả của hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ là những thiệt hại đã gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại về vật chất và tinh thần cho Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Thứ ba, các dấu hiệu thuộc về mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội khi thực hiện tội phạm. Các dấu hiệu chủ quan của tội phạm gồm: lỗi, động cơ, mục đích phạm tội.

Theo quy định của Điều 258 BLHS hiện hành, lỗi của người phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn cho hậu quả xảy ra.

Thứ tư, các dấu hiệu thuộc về chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm này không đòi hỏi những dấu hiệu chủ đặc biệt. Theo quy định của Điều 258 BLHS thì chỉ cần người có năng lực chịu TNHS và đạt độ tuổi luật định thì đều có thể trở thành chủ thể của tội phạm này.

Để xác định độ tuổi chịu TNHS, cần căn cứ vào Điều 12 BLHS. Điều 12 BLHS quy định: "1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" [28]. Tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 258 thuộc loại tội ít nghiêm trọng; khoản 2 Điều 258 thuộc loại tội nghiêm trọng. Do đó, độ tuổi chịu TNHS đối với tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là từ 16 tuổi trở lên.

b) Dấu hiệu cấu thành tăng nặng của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Khoản 2 Điều 258 BLHS quy định một tình tiết chuyển khung tăng nặng là: Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng.

Hiện nay, chưa có hướng dẫn về trường hợp phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như thế nào là thì coi là trong trường hợp nghiêm trọng. Theo tác giả Đinh Văn Quế thì:

Qua thực tiễn xét xử, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm này, chúng ta có thể coi các trường hợp phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là nghiêm trọng nếu gây ra hậu quả nghiêm trọng. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng nói chung và phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân nói riêng là trường hợp do hành vi phạm tội mà gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân [25].

2.1.2. Chính sách xử lý đối với tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong luật hình sự Việt Nam hiện hành

Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thuộc loại tội ít nghiêm trọng (khoản 1 Điều 258 BLHS) và tội nghiêm trọng (khoản 2 Điều 258 BLHS). Do đó, mức hình phạt đối với tội phạm này được quy định như sau:

- Khoản 1: phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

- Khoản 2: phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Trong thực tiễn, khi quyết định hình phạt, trong phạm vi cấu thành của từng khung, Tòa án phải căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 và Điều 48 BLHS.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định trong Điều 46 BLHS gồm có:

- Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
- Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả;
- Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra;
- Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức;
- Phạm tội do lạc hậu;
- Người phạm tội là phụ nữ có thai;

- Người phạm tội là người già;
- Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- Người phạm tội tự thú;
- Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;
- Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm;
- Người phạm tội đã lập công chuộc tội;
- Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

Các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 48 BLHS gồm có:

- Phạm tội có tổ chức;
- Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;
- Phạm tội có tính chất côn đồ;
- Phạm tội vì động cơ đê hèn;
- Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;
- Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm;
- Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;
- Xâm phạm tài sản của Nhà nước;
- Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;
- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;
- Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

- Xúi giục người chưa thành niên phạm tội;
- Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.

Qua nghiên cứu quy định của Điều 258 BLHS, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Nhà làm luật đã mô tả hành vi khách quan của tội phạm thông qua dấu hiệu thủ đoạn phạm tội (thủ đoạn lợi dụng các quyền tự do, dân chủ).

- Cấu thành tội phạm của tội phạm được xây dựng mang tính khái quát quá cao. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được thực hiện bằng thủ đoạn lợi dụng quyền tự do, dân chủ đều thuộc phạm vi cấu thành của tội này.

- Tình tiết chuyển khung tăng nặng: "phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng" chưa được hướng dẫn giải thích nên rất khó áp dụng trong thực tế, dễ bị các thế lực thù địch và phần tử chống đối lợi dụng vu cáo Nhà nước ta vi phạm dân chủ, nhân quyền.

- Mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 258 (phạt tù từ 2 năm đến bảy năm) là nghiêm khắc.

2.2. THỰC TIỄN XÉT XỬ VỀ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN TỪ NĂM 1999 ĐẾN NAY

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý để phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế. Ngược lại, thực tiễn phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm của các cơ quan chức năng lại là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm, đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của pháp luật. Trên tinh thần đó, có thể khẳng định rằng: thực tiễn áp dụng quy định của BLHS về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành.

Theo số liệu thống kê tổng hợp từ các nguồn Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), có thể xác định diễn biến tình hình tội phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân qua các năm, từ năm 1999 đến nay như sau:

- Năm 1999: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 13 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 22 bị cáo.

- Năm 2000: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 26 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 43 bị cáo.

- Năm 2001: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 06 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 07 bị cáo.

- Năm 2002: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 03 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 27 bị cáo.

- Năm 2003: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 05 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 15 bị cáo.

- Năm 2004: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 04 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 05 bị cáo.

- Năm 2005: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 03 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 04 bị cáo.

- Năm 2006: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 03 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 04 bị cáo.

- Năm 2007: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 02 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 06 bị cáo.

- Năm 2008: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 11 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 18 bị cáo.

- Năm 2009: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 07 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 31 bị cáo.

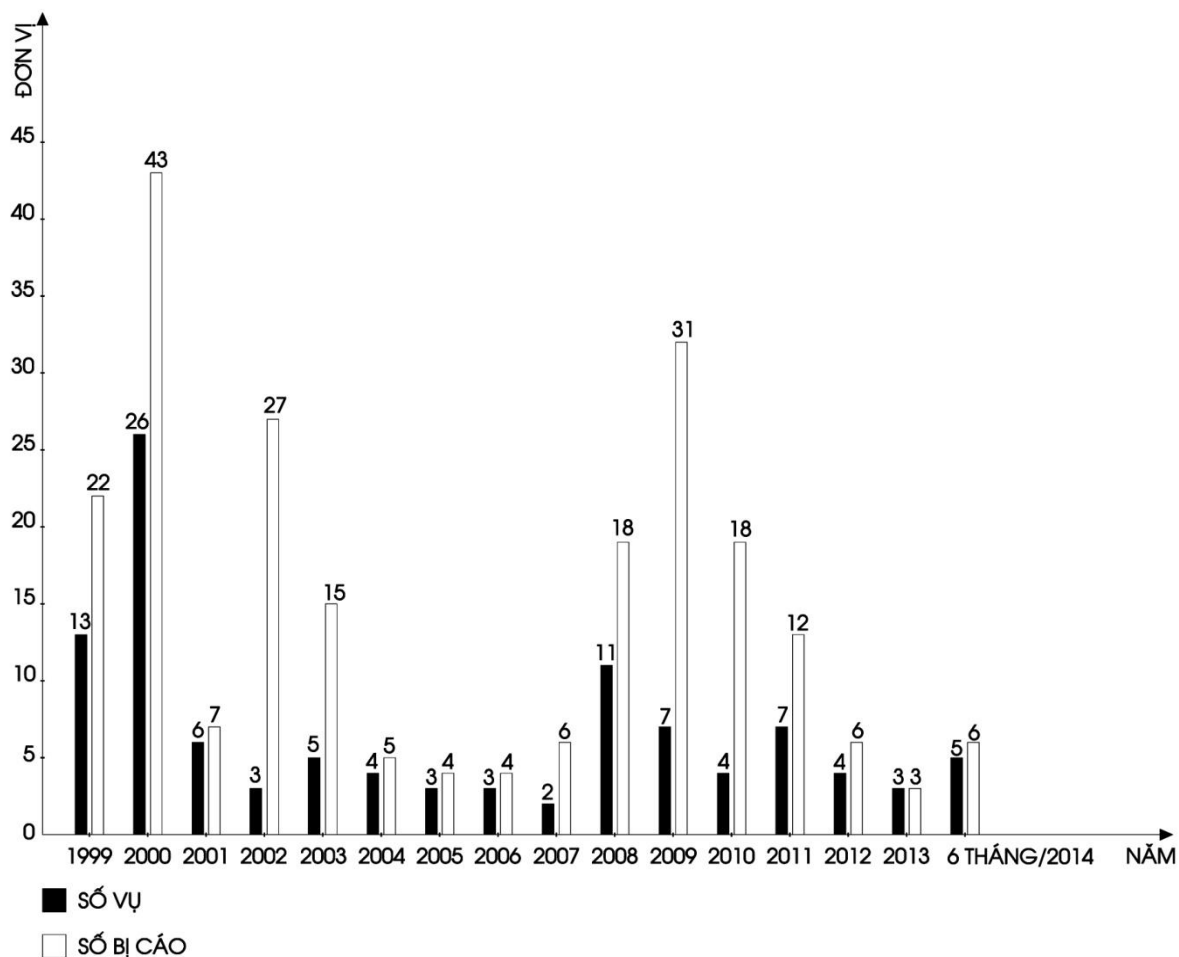
- Năm 2010: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 04 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 18 bị cáo.

- Năm 2011: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 07 vụ lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 12 bị cáo.

- Năm 2012: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 04 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 06 bị cáo.

- Năm 2013: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 03 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 03 bị cáo.

- Sáu tháng đầu năm 2014: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 05 vụ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân với 6 bị cáo.



Biểu đồ 2.1: Tổng hợp số liệu Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân từ năm 1999 đến tháng 6 năm 2014

Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao.

Từ số liệu thống kê trên cho thấy:

- Tỷ lệ tội phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trên tổng số tội phạm xảy ra trên toàn quốc hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Chẳng hạn như năm 2013, tỷ lệ này là $03/52.682 \text{ vụ} = 0,005 \%$ số vụ và $03/94.236 = 0,003 \%$ bị cáo.

- Diễn biến tình hình tội phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công

dân thay đổi không đều qua các năm. Tính từ năm 1999 đến nay, năm có số vụ được đưa ra xét xử nhiều nhất là năm 2000 (có tới 26 vụ/43 bị cáo), năm có số vụ và số bị cáo ít nhất là năm 2013 với 03 vụ/03 bị cáo.

Mặc dù số vụ lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được đưa ra xét xử rất ít như đã trình bày trên, song dư luận xã hội cả trong và ngoài nước lại rất quan tâm đến loại án này. Một số đối tượng cực đoan đã đưa lên các trang mạng xã hội cái gọi là "Tuyên bố 258" với nội dung vu cáo chính phủ Việt Nam "lạm dụng pháp luật một cách có hệ thống". Phản bác lại tuyên bố này, đồng thời cũng xuất hiện trên mạng internet những phản hồi của nhiều người Việt Nam cả trong và ngoài nước công khai phản đối những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc trong cái gọi là "Tuyên bố 258" nêu trên. Báo Nhân dân đã đăng bài viết "Ngôn luận và giới hạn của tự do ngôn luận" của tác giả Vũ Văn Tính, báo Công an nhân dân đăng bài "Không được đánh lộn chụp mũ nhân quyền, dân chủ để chống phá" của tác giả Đặng Trường khẳng định rõ rằng: Điều 258 BLHS hoàn toàn phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Như đã trình bày trên, trong Điều 258 BLHS nhà lập pháp đã sử dụng phương pháp liệt kê để nêu ra nhiều quyền tự do dân chủ mà đối tượng phạm tội có thể lợi dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, qua thực tiễn xét xử, chúng tôi nhận thấy các đối tượng chỉ tập trung lợi dụng một số quyền tự do, dân chủ sau đây:

**** Lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân***

Liên quan đến hoạt động lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo là các vụ việc có nguồn gốc từ tranh chấp nhà, đất hoặc thu hồi đất đai. Do bức xúc về quyền lợi, nhiều người đã lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo xâm hại lợi

ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như trong hai vụ án dưới đây.

Vụ án thứ nhất xảy ra ở khu vực triển khai Dự án Khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ Phước Đông-Bời Lời huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát, Dự án Khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ Phước Đông-Bời Lời được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tây Ninh phê duyệt, giao cho UBND huyện Gò Dầu trực tiếp thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để giao cho Công ty đầu tư Sài Gòn VRG, thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam thi công.

Trong quá trình thu hồi, đền bù đất, hầu hết người dân chấp hành chủ trương chung, giao đất, nhận tiền đền bù. Riêng Hồ Thị Huệ có 7.322,5m² đất nông nghiệp trồng cây hằng năm nằm trong Dự án Phước Đông-Bời Lời, thuộc diện giải tỏa nhưng Huệ không nhận tiền đền bù. Huệ rủ rê, lôi kéo 6 hộ khác không nhận tiền đền bù, tập trung thành nhóm với Huệ để đi khiếu kiện nhiều nơi, từ cấp huyện Gò Dầu, cấp tỉnh Tây Ninh, rồi ra Hà Nội.

Trong quá trình khiếu kiện, Huệ gặp và quen với Nguyễn Bích Thủy, là người hoàn toàn không có đất bị thu hồi trong Dự án Phước Đông-Bời Lời; Huệ rủ Thủy tham gia khiếu kiện cùng Huệ ở Dự án Phước Đông-Bời Lời, yêu cầu nhà nước phải đền bù với giá 2,2 tỷ đồng/ha. Huệ hứa khi được đền bù với mức giá trên, Huệ sẽ "trả công" cho Thủy, Thủy đồng ý và tích cực tham gia cùng Huệ. Ngoài việc lôi kéo các hộ dân chưa nhận tiền đền bù trong Dự án Phước Đông-Bời Lời đi khiếu kiện, Huệ và Thủy dựa vào một bài báo trên mạng (cả hai khai nhận là thuê người viết) để kích động, lôi kéo những người dân có đất bị thu hồi ở Dự án Phước Đông-Bời Lời, kể cả những hộ đã nhận tiền, tập trung khiếu kiện đông người.

Cả hai bị cáo đã nói dối các hộ dân là theo Nghị định 69 của Chính phủ, tất cả các hộ dân có đất bị thu hồi ở Dự án Phước Đông-Bời Lời đều được nhận đền bù mức giá 2,2 tỷ đồng/ha. Ngoài ra, Huệ còn lừa dối người

dân khi nói rằng lãnh đạo tỉnh Tây Ninh và huyện Gò Dầu đã gắp riêng Huệ và Thủy để "thương lượng" mức giá đền bù 2,2 tỷ đồng/ha, nhưng vì lợi ích của bà con nhân dân, Thủy và Huệ không chấp nhận mà tiếp tục "đấu tranh". Những lời lẽ xuyên tạc, bịa đặt của Huệ và Thủy đã khiến một số người nhẹ dạ, cả tin nghe theo, tập trung đi khiếu kiện, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị ở địa phương, gây thiệt hại và làm chậm tiến độ thi công của nhà đầu tư.

Trong quá trình khiếu kiện, Huệ và Thủy đã nhiều lần có những lời lẽ, viết đơn khiếu nại, tố cáo sai sự thật, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của cán bộ tỉnh Tây Ninh và huyện Gò Dầu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với chính quyền địa phương, cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, việc Huệ, Thủy kích động người dân ngăn cản thi công xây dựng trong một thời gian đã làm thiệt hại cho nhà đầu tư với thiệt hại trực tiếp là 5,8 tỷ đồng, thiệt hại gián tiếp về kinh doanh là 31,1 tỷ đồng, thiệt hại trực tiếp về đầu tư là 28 tỷ đồng; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đầu tư, thu hút đầu tư và sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Trong phiên sơ thẩm ngày 14/3, Tòa án Nhân dân huyện Gò Dầu đã phạt Huệ 3 năm tù, Thủy 3 năm tù. Ngày 2/8, Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử phúc thẩm vụ án Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức đối với 2 bị cáo Hồ Thị Huệ (46 tuổi, ngụ huyện xã Phước Đông, Gò Dầu, Tây Ninh) và Nguyễn Bích Thủy (41 tuổi, ngụ xã Phước Thạnh, Gò Dầu, Tây Ninh). Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt Huệ 2 năm tù, Thủy 2 năm tù.

Vụ án thứ 2 được đưa ra xét xử ở Phan Thiết với bị cáo là Ngô Lướt.

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát, từ năm 1991-2007, bị cáo Ngô Lướt đã nhiều lần khiếu kiện đòi lại nhà, đất do Nhà nước thực hiện chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trước đây, bao gồm hai vụ

tại Phan Thiết và một vụ ở huyện Hàm Thuận Nam. Vụ đòi nhà, vườn ở huyện Hàm Thuận Nam đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm, và Tòa án tối cao cũng đã xử phúc thẩm không chấp thuận yêu cầu. VKSNDTC cũng đã có văn bản khẳng định các bản án đã tuyên là đúng pháp luật, không có căn cứ kháng nghị. Việc đòi lại căn nhà và khu đất xướng cưa tại Phan Thiết cũng đã được UBND tỉnh Bình Thuận giải quyết nhiều lần, nhưng bị cáo Ngô Lướt không chấp thuận và tiếp tục khiếu kiện tại nhiều nơi. Các Đoàn Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Nhà nước và Bộ Xây dựng cũng đã thụ lý đơn khiếu nại của bị cáo Ngô Lướt, xác định việc giải quyết của UBND tỉnh là đúng pháp luật và yêu cầu ông chấm dứt việc khiếu kiện. Tuy nhiên, bị cáo Ngô Lướt vẫn tiếp tục khiếu kiện tại UBND tỉnh Bình Thuận; Văn phòng tiếp dân của Trung ương Đảng và Văn phòng II của Chính phủ; Vụ công tác phía Nam của Văn phòng Quốc hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình khiếu kiện, bị cáo Ngô Lướt đã có những hành vi vi phạm pháp luật như dùng vải, ván ép, vỏ bao đem về dựng tạm lều trại, dùng sơn đỏ viết các khẩu hiệu có nội dung xuyên tạc, bôi nhọ cá nhân Chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Bình Thuận...

Đối tượng Ngô Lướt bị khởi tố, bắt tạm giam ngày 3/8/2007. Sáng 27/12/2007, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tuyên phạt bị cáo Ngô Lướt 9 tháng tù giam về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân".

**** Lợi dụng quyền tự do tôn giáo xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân***

Qua thực tiễn xét xử, có thể thấy bị cáo phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thường có hoạt động tôn giáo trái pháp luật, vu cáo Nhà nước Việt Nam hạn chế tự do tôn giáo, vi phạm nhân quyền. Hai vụ án sau đây có thể được xem là ví dụ điển hình:

Vụ thứ nhất xảy ra ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Theo cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân, ngày 24/4/2011, cơ quan chức năng phát hiện Nguyễn Văn Lía, tự là Ba Lía, 61 tuổi, cư trú tại xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới (An Giang) mang theo 15 cuốn sách, 64 đĩa (CD, VCD, DVD) và 36 bản tài liệu có nội dung vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm nhân quyền, tự do tín ngưỡng. Quá trình điều tra, Lía đã khai nhận cùng với Trần Hoài Ân soạn thảo các tài liệu trên. Ngoài ra, năm 2007, Lía, Ân đã cùng với Trương Văn Thúc, Trương Kim Long, Võ Văn Diêm, Lê Minh Triết, Trần Văn Ngọt, Hồ Thanh Vân, Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Hồng Đơn và nhiều người khác bàn bạc, thống nhất tự xưng là tín đồ của "Khởi Phạt giáo Hòa Hảo truyền thống". Lía và Ân soạn thảo các tài liệu, sao chép ra VCD đưa cho những người trong nhóm ký tên vào tài liệu, rồi mang tuyên truyền cho nhiều người khác vu khống, xuyên tạc Nhà nước Việt Nam đàn áp tôn giáo, vi phạm dân chủ nhân quyền....

Ngày 13/12/2011, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã xét xử sơ thẩm, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Lía 05 năm tù giam, Trần Hoài Ân 03 năm tù giam, về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân".

Vụ án thứ 2 xảy ra ở huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát thì từ ngày 16/5/2013 đến ngày 19/5/2013 Thào Quán Mua, sinh năm 1964, trú tại thôn 9 Minh Tiến, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, có hành vi lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng xâm phạm lợi ích của nhà nước bằng việc tổ chức xây dựng nhà đôn trái phép trên phần đất quy hoạch xây dựng nhà văn hóa thôn 6 Minh Tiến, xã Minh Hương. Mặc dù đã được chính quyền, các đoàn thể xã Minh Hương vận động, thuyết phục và ra thông báo yêu cầu phá dỡ nhà đôn. Nhưng bị cáo không những không chấp hành mà còn thông báo với mọi người trông coi bảo vệ. Tháng 10/2013 các cơ quan chức năng huyện Hàm Yên đã tiến hành tháo dỡ

toàn bộ nhà đôn, trả lại mặt bằng quy hoạch xây dựng nhà văn hóa thôn 6 Minh Tiến do UBND xã Minh Hương quản lý. Hành vi nêu trên của bị cáo Thào Quán Mua đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, trực tiếp xâm phạm quyền quản lý đất đai của UBND xã Minh Hương, đồng thời ảnh hưởng đến niềm tin của một bộ phận đồng bào dân tộc Mông trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm giảm uy tín hiệu lực quản lý, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã hội; ngoài ra hành vi đó còn trực tiếp xâm phạm đến tài sản, tiền của, thời gian lao động sản xuất của một số hộ người dân tộc Mông tại địa bàn xã Minh Hương, huyện Hàm Yên.

Ngày 27/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Thào Quán Mua, trú tại thôn 9, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, theo khoản 1 Điều 258 BLHS.

**** Lợi dụng quyền tự do báo chí xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân***

Thực tiễn xét xử cho thấy: đối tượng có hành vi lợi dụng quyền tự do báo chí xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thường có nhân thân là nhà báo hoặc trước đây đã từng là nhà báo như vụ Nguyễn Việt Chiến (nguyên phóng viên báo Thanh niên) hay Nguyễn Hoàng Linh (nguyên Tổng biên tập báo Doanh nghiệp).

Liên quan đến hành vi lợi dụng quyền tự do báo chí xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, vụ án Nguyễn Phi Duy Linh là tương đối điển hình.

Ngày 22/6/2012, Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Phi Duy Linh (1969, trú P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng) và Trần Văn Thanh (1953, trú Q. Tây Hồ,

Hà Nội) về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân" theo Quyết định giám đốc thẩm số 11/2011/HS-GĐT (ngày 19-7-2011) của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Bị cáo Trần Văn Thanh có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vụ án này đã qua 3 lần xét xử, tại Bản án hình sự số 16/2009/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo Duy Linh 3 năm tù; bị cáo Dương Tiến 17 tháng 5 ngày tù; bị cáo Trần Văn Thanh 18 tháng tù (hưởng án treo), thời gian thử thách là 36 tháng. Trong thời hạn luật định, các bị cáo: Linh, Tiến, Thanh đều kháng cáo kêu oan. Ngày 31/8/2009, Viện trưởng VKSNDTC có Kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-HSPT đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm đối với Trần Văn Thanh, tuyên bố bị cáo Thanh không phạm tội và đình chỉ vụ án đối với bị cáo. Vụ án được TANDTC tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm ngày 7/12/2009 và tuyên giữ nguyên các quyết định của án sơ thẩm đối với các bị cáo Linh và Tiến; bị cáo Trần Văn Thanh được giảm án từ 18 tháng tù (án treo) xuống còn 12 tháng tù (án treo), thời gian thử thách là 24 tháng. Ngày 29-10-2010, Viện trưởng VKSNDTC tiếp tục có Kháng nghị giám đốc thẩm số 29/QĐ-VKSTC-V3 kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2009/HSPT của Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng thẩm phán TANDTC hủy phần quyết định của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên, tuyên bố Trần Văn Thanh không phạm tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân" và đình chỉ vụ án đối với Trần Văn Thanh vì các lý do: Không có căn cứ cho rằng Trần Văn Thanh chỉ đạo hay xúi giục Đinh Công Sắt và Dương Tiến phát tán 2 công văn số 73 và 77 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng như việc các bị cáo: Sắt, Linh viết đơn tố cáo sai sự thật. Tài liệu hồ sơ chỉ thể hiện Trần Văn Thanh có quan hệ, gặp gỡ Đinh Công Sắt và Nguyễn Phi Duy Linh nhưng

không có tài liệu nào chứng minh nội dung các cuộc gặp này có liên quan đến việc bị cáo Thanh chỉ đạo, gợi ý, hướng dẫn Sắt và Linh làm đơn, gửi đơn tố cáo. Căn cứ kết tội Trần Văn Thanh là lời khai của Sắt và Linh tại Cơ quan điều tra về việc Thanh là người chỉ đạo Linh làm đơn khiếu nại, tố cáo nhưng tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Linh đều bác bỏ lời khai này. Còn Đinh Công Sắt khai chỉ nghĩ Thanh là người chỉ đạo, ông Thanh không đưa cho Sắt tài liệu, đơn thư nào để Sắt làm đơn tố cáo. Ngoài ra, tại nhà vợ cũ của Nguyễn Phi Duy Linh có thu được tài liệu là đơn thư, kiến nghị có bút tích của Trần Văn Thanh nhưng chưa có căn cứ xác định Linh sử dụng các tài liệu này để làm đơn tố cáo sai sự thật hoặc phát tán tài liệu này gây hậu quả xấu. Kháng nghị giám đốc thẩm của VKSNDTC đã được Hội đồng thẩm phán TANDTC chấp nhận và quyết định hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2009/HSPT của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng về phần TNHS đối với bị cáo Trần Văn Thanh và bị cáo Nguyễn Phi Duy Linh, giao hồ sơ cho Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Phi Duy Linh và bị cáo Trần Văn Thanh vẫn giữ nội dung kháng cáo kêu oan, VKSNDTC giữ nguyên nội dung kháng nghị. Khai báo tại phiên tòa, bị cáo Linh không thừa nhận mình và bị cáo Thanh tham gia vào việc tán phát các công văn của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; bị cáo Thanh không thông qua mình để tham gia soạn thảo đơn khiếu nại, tố cáo cho Sắt, không xúi giục, liên kết với Sắt; không tham gia gửi đơn tố cáo lãnh đạo thành phố Đà Nẵng... Các luật sư bào chữa cho bị cáo Linh cũng cho rằng việc Cơ quan điều tra thu được các số điện thoại liên lạc giữa các bị cáo: Linh, Thanh, Sắt nhưng không nắm rõ nội dung các cuộc điện thoại này nhưng lại dựa vào đó và lời khai của bị cáo Sắt để khép tội các bị cáo Linh, Thanh là không đảm bảo về mặt chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đối với các tài liệu thu được tại nhà vợ cũ của Linh là Phan Thị Kim Tiến có trước thời điểm các bị cáo câu kết với nhau nên không

có liên quan gì đến nội dung tố cáo của bị cáo Đinh Công Sắt. Cơ quan điều tra không thu giữ được đơn thư kiến nghị mà chỉ căn cứ vào các biên lai chuyển phát nhanh của bưu điện để kết tội các bị cáo là không có cơ sở... Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Linh không phạm tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân". Bị cáo Trần Văn Thanh mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án không thừa nhận hành vi soạn thảo tài liệu, không trực tiếp sửa chữa trên bản thảo đơn, thư kiến nghị của bị cáo Linh.

Sau khi xem xét toàn diện vụ án, lời khai của bị cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ bào chữa của các luật sư, Hội đồng xét xử khẳng định bản án sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo Linh và Thanh là có cơ sở, không chấp nhận luận cứ bào chữa của các luật sư, giữ nguyên phần quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phi Duy Linh. Đối với bị cáo Trần Văn Thanh, Hội đồng xét xử cho rằng bị cáo có tham gia xúi giục, hướng dẫn Sắt tố cáo sai sự thật, có tham gia soạn thảo tài liệu đã thu giữ được tại nhà vợ cũ của Nguyễn Phi Duy Linh. Tuy nhiên, hành vi này diễn ra từ năm 2002, đến thời điểm vụ án bị khởi tố năm 2009 đã quá 5 năm, đã hết thời hiệu truy cứu TNHS. Vì thế Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm về phần TNHS đối với bị cáo Trần Văn Thanh, đình chỉ xem xét giải quyết TNHS đối với Trần Văn Thanh và kiến nghị cơ quan chủ quản xem xét xử lý hành chính đối với ông Thanh.

Từ thực tiễn xét xử các vụ án lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Hầu hết các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân không liên quan đến các hoạt động chống đối chính trị. Do đó, lập luận

của các phương tiện thông tin đại chúng nước ngoài cho rằng Nhà nước Việt Nam sử dụng Điều 258 BLHS để "đàn áp những người bất đồng chính kiến" là không có cơ sở. Đây là những luận điệu vu cáo vu cáo trắng trợn nhằm hạ uy tín của Nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế, gây khó khăn cho Việt Nam trong quan hệ với các nước đối tác bên ngoài.

- Những người bị xử lý về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân thực tế đã có nhiều hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm hại lợi ích, danh dự, uy tín, quyền lợi hợp pháp của các chủ thể xã hội.

- Mức hình phạt áp dụng cho người phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là tương đối phù hợp, được dư luận xã hội đồng tình, đáp ứng được yêu cầu trừng trị và phòng ngừa tội phạm.

- Tuy nhiên, phạm vi các quyền tự do, dân chủ có thể bị lợi dụng để xâm hại các lợi ích hợp pháp liệt kê tại Điều 258 BLHS là quá rộng. Trên thực tế, đối tượng phạm tội chỉ lợi dụng một số quyền như quyền khiếu nại, tố cáo, quyền tự do tôn giáo, quyền tự do báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân mà thôi.

- Cách thức quy định nội dung cấu thành tội phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân như Điều 258 BLHS hiện hành dễ gây sự ngộ nhận, hiểu lầm rằng Việt Nam hạn chế các quyền tự do, dân chủ. Từ đó tạo cơ sở để các thế lực thù địch tuyên truyền chống phá sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Tóm lại, qua nghiên cứu quy định của BLHS hiện hành và thực tiễn xét xử từ năm 1999 đến nay có thể rút ra nhận xét rằng các quy định của BLHS nói chung, quy định của Điều 258 BLHS về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân mang tính khái quát quá cao. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm

lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được thực hiện bằng thủ đoạn lợi dụng quyền tự do dân chủ đều thuộc phạm vi cấu thành của tội này.

Về thực tiễn áp dụng, qua số liệu thống kê của các cơ quan tư pháp, có thể thấy: tỷ lệ tội phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trên tổng số tội phạm xảy ra trên toàn quốc hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ, hầu hết các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân không liên quan đến các hoạt động chống đối chính trị. Do đó, lập luận của các phương tiện thông tin đại chúng nước ngoài cho rằng Nhà nước Việt Nam sử dụng Điều 258 BLHS để "đàn áp những người bất đồng chính kiến" là không có cơ sở. Đây là những luận điệu vu cáo trắng trợn nhằm hạ uy tín của Nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế, gây khó khăn cho Việt Nam trong quan hệ với các nước đối tác bên ngoài.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

3.1. SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHẢI HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

Với nội dung là hệ thống các quy định về tội phạm, hình phạt và các biện pháp TNHS, luật hình sự có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, duy trì trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm môi trường hòa bình cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Góp phần vào việc thực hiện chức năng chung của luật hình sự, quy định của BLHS về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, từ ngày được chính thức đưa vào Bộ luật, đã là cơ sở pháp lý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền phòng ngừa, ngăn chặn mọi hành vi mượn danh nghĩa thực hiện quyền tự do dân chủ gây rối loạn trật tự xã hội. Bên cạnh các kết quả đã đạt được, như đã chỉ ra ở chương trước, quy định của BLHS về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong BLHS hiện hành cũng đã bộc lộ một số hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Thêm nữa, giữa quy định của luật với thực tiễn vận động của cuộc sống và thực tiễn áp dụng pháp luật cũng còn những khoảng cách nhất định. Do đó, cũng cần có những biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về loại tội phạm này.

Có thể thấy rằng, việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm

phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là một yêu cầu hoàn toàn mang tính khách quan, xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

Một là, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Như đã trình bày ở trên, chức năng chủ yếu của luật hình sự là bảo vệ xã hội. Để thực hiện tốt chức năng này, luật hình sự phải bám sát diễn biến tình hình của đối tượng mà nó bảo vệ, mà trước hết là những đòi hỏi mới của công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hiện nay.

Trong những năm qua, nhìn chung tình hình an ninh quốc gia của Việt Nam tương đối ổn định hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Ở Việt Nam không có các cuộc đảo chính quân sự như Thái Lan, không bị khủng bố như ở miền Nam Phi-líp-pin. Khác với trường hợp quan hệ Thái Lan - Campuchia xung quanh vấn đề biên giới lãnh thổ (vụ đền Pát-vi-hia), Việt Nam cũng tránh được các cuộc xung đột quân sự với các nước láng giềng. Có được sự ổn định này là do sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ an ninh chính trị đất nước. Tuy nhiên, trong một *thế giới phẳng* trong đó không gian địa lý giữa các quốc gia ngày càng bị thu hẹp do sự phát triển của các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, toàn cầu hóa không chỉ về kinh tế mà còn cả về văn hóa là một xu thế không thể đảo ngược thì an ninh quốc gia của mỗi nước cũng có sự phụ thuộc (có thể nói phụ thuộc rất lớn) vào tình an ninh khu vực, an ninh toàn cầu và an ninh cả từ phía các quốc gia khác. An ninh quốc gia Việt Nam hiện nay chịu sự tác động từ nhiều yếu tố bên ngoài, trong đó có vấn đề sự chống phá của các thế lực thù địch và chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Liên quan đến tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, vấn đề nổi lên hiện nay là sự can thiệp của các thế lực thù địch nước ngoài vào công việc nội bộ của Việt Nam dưới

chiêu bài dân chủ, nhân quyền. Phụ họa và làm tay sai cho nước ngoài là những phần tử phản động người Việt, vì lợi ích và động cơ cá nhân bán rẻ đất nước. Để nhận được những đồng tiền tài trợ của nước ngoài, những phần tử này đã thực hiện nhiều hành vi phá hoại sự nghiệp đổi mới của đất nước, bôi nhọ, vu khống, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, xuyên tạc lịch sử, bôi lem những thành quả mà nhân dân ta đã phải đổ mồ hôi, xương máu trong khó khăn, gian khổ mới có được. Nguy hiểm hơn, chúng lại thực hiện hành vi phạm tội dưới những hình thức hết sức tinh vi, xảo quyệt. Một mặt, chúng vừa công khai, trắng trợn chống phá chế độ, mặt khác, chúng lợi dụng các quyền tự do dân chủ hợp pháp mà Hiến pháp và pháp luật quy định để thực hiện các hoạt động chống đối. Thực tế này đòi hỏi các nhà làm luật Việt Nam phải không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLHS nói chung, quy định về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân nói riêng, qua đó tạo cơ sở pháp lý phù hợp cho các cơ quan chuyên trách trong việc đấu tranh, phòng ngừa, hạn chế, đi đến loại trừ khả năng đối tượng phạm tội có thể thực hiện tội phạm của chúng bằng cách sử dụng thủ đoạn nói trên.

Mặt khác, cũng cần thấy rằng không phải ai phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cũng đều là đối tượng chống đối chế độ XHCN và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cũng có những người, vì sự xung đột, bất mãn cá nhân với người khác hoặc với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà có hành vi sai trái, xâm phạm quyền, lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức viết bài đăng báo, đưa lên mạng, gửi đơn thư có nội dung sai sự thật lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kinh tế thị trường càng phát triển thì những xích mích, va chạm, xung đột kiểu này cũng sẽ càng gia tăng. Đây là mặt tiêu cực của sự phát triển nóng về kinh tế cũng như những biến đổi về văn hóa xã hội trong giai đoạn phát triển hiện đại. Do đó, trong quy

định về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, nhà làm luật cũng cần tính đến vấn đề này để cho nội dung của luật gắn được với đời sống con người và đi được vào trong lòng xã hội, phục vụ xã hội.

Hai là, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi về bảo vệ nhân quyền ngày một cao trong xã hội và nhân dân.

Nhân quyền là đòi hỏi chính đáng của nhân dân. Trong lịch sử, nhân dân Việt Nam đã phải gánh chịu nhiều áp bức, bất công, bị tước đoạt và xâm phạm quyền con người. Hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nhân dân ta sống trong cảnh nô lệ mất nước, bị coi là man di, bị ngoại bang đô hộ, khủng bố, bóc lột đến tàn tệ. Không chịu nổi sự áp bức, bóc lột quá nặng nề, nhân dân ta đã nhiều lần đứng dậy đấu tranh. Và mỗi lần như vậy, kẻ thù ngoại bang đều dìm các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt trong bể máu bằng những hành động man rợ. Chỉ đến năm 938, sau chiến thắng Bạch Đằng, nước Việt Nam mới dành lại được nền độc lập lâu dài; các triều đại phong kiến hình thành nối tiếp nhau xây nền tự chủ. Tuy nhiên, sống trong chế độ phong kiến, dù không còn bị ngoại bang thống trị, nhân dân ta cũng vẫn không được hưởng các quyền con người - những quyền tự nhiên, vốn có mà bất cứ ai là người đều phải có. Với thân phận thần dân, người dân phải cung đốn, phục dịch cho giai cấp địa chủ phong kiến, bị tước đoạt các quyền lợi về chính trị và nhiều quyền lợi về kinh tế. Tình hình còn tệ hơn khi thực dân Pháp xâm lược Đông Dương. Tiếng đại bác bắn vào bán đảo Sơn Trà năm 1858 đã mở đầu cho gần 100 năm đô hộ của Pháp ở Đông Dương. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trong Tuyên ngôn độc lập:

...Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta... Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng

lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột nhân dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn... [20, tr. 94].

Chỉ từ năm 1945, khi toàn dân Việt Nam đứng lên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta mới thực sự dành được quyền làm chủ về tay mình, thực sự là chủ nhân của chính mình, của Nhà nước và toàn xã hội. Các bản Hiến pháp Việt Nam đều khẳng định nguyên tắc chủ quyền nhân dân và quy định rõ các quyền con người, trong đó có các quyền tự do dân chủ mà cá nhân được hưởng.

Trong điều kiện hoàn cảnh mới của đất nước, Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện, từ đổi mới tư duy, đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp với mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tất cả vì sự nghiệp phát triển con người. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định rõ phương hướng cải cách tư pháp hiện nay là:

Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người [13].

Liên quan đến về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, có thể thấy rằng quy định của BLHS về tội phạm này có mối quan hệ rất gắn bó với vấn đề quyền con người. Mối quan hệ gắn bó ở đây được thể hiện theo hai khía cạnh:

Thứ nhất, đó là vấn đề thủ đoạn phạm tội mà người phạm tội thực hiện. Để thực hiện các hành vi trái pháp luật, xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, người phạm tội đã sử dụng một thủ đoạn đặc biệt là lợi dụng các quyền tự do dân chủ như quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tôn giáo mà pháp luật quy định cho mọi công dân được hưởng. Do vậy, nếu các cơ quan chức năng xử lý không thận trọng và đúng đắn thì người phạm tội cũng như các đối tượng khác sẽ lập tức lên tiếng, cho rằng chính quyền lạm dụng quyền lực, tùy tiện xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Thứ hai, như đã phân tích ở chương hai, mặc dù nội dung điều luật quy định tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cũng tương tự như nhiều điều luật trong BLHS của một số nước trên thế giới song cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng phạm vi cấu thành của tội này còn rộng, lại được xây dựng quá khái quát nên đã dẫn đến nhiều hạn chế trong thực tiễn áp dụng, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ quyền con người trong tình hình mới ở nước ta hiện nay.

Ba là, xuất phát từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế XHCN trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng là:

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo... Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương [14, tr. 247].

Trong Nhà nước pháp quyền, vai trò của pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng vô cùng quan trọng. Pháp luật không chỉ là cơ sở cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của các tổ chức, công dân. Mọi công dân được hưởng đầy đủ các quyền, bao gồm cả quyền tự do, dân chủ do pháp luật quy định, nhưng đồng thời cũng phải thực hiện các nghĩa vụ của bản thân, phải nghiêm chỉnh, tự giác chấp hành các quy định của Hiến pháp và pháp luật, không được phép lợi dụng quyền tự do dân chủ để gây rối, phá hoại trật tự chung.

Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm là trách nhiệm của toàn xã hội. Làm cho dân biết, dân hiểu, dân ủng hộ và tích cực tham gia cùng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động đấu tranh với hành vi phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là một yêu cầu cấp thiết hiện nay.

3.2. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI LỢI DỤNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

Từ những đòi hỏi khách quan về việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội lợi dụng các quyền tự

do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân nói trên, việc sửa đổi, bổ sung quy định của Điều 258 BLHS hiện hành là rất cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải sửa đổi quy định này theo hướng nào là một điều cần nghiên cứu và tính toán một cách kỹ lưỡng.

Hiện nay, Nhà nước ta đang trong quá trình sửa đổi toàn diện quy định của BLHS năm 1999. Quan điểm chỉ đạo sửa đổi, bổ sung BLHS trong *Đề cương định hướng sửa đổi Bộ luật hình sự* được xác định cụ thể là:

1. Việc sửa đổi, bổ sung BLHS phải phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách mới của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 cũng như trong các Nghị quyết về cải cách tư pháp (Nghị quyết số 08/NQ-TW, Nghị quyết số 48/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW).

2. Sửa đổi, bổ sung BLHS trên tinh thần đổi mới tư duy về chính sách hình sự, hoàn thiện kỹ thuật lập pháp, tăng tính minh bạch, khả thi và tính dự báo, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước trong khu vực và trên thế giới; bảo đảm tính thống nhất của các qui định trong Bộ luật hình sự, sự nhất quán giữa Bộ luật hình sự với các Luật có liên quan.

4. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự phải góp phần tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm [5].

Quán triệt các quan điểm nêu trên, đặc biệt là quan điểm thứ hai và thứ ba, có thể thấy rằng: việc sửa đổi, bổ sung Điều 258 BLHS hiện hành cần theo các hướng cụ thể sau đây:

- Quy định rõ ràng, cụ thể hơn các dấu hiệu pháp lý của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật và kinh nghiệm lập pháp hình sự của nước ngoài, hạn chế phạm vi nội dung cấu thành tội phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

- Thể chế hóa và bảo đảm tính phù hợp, thống nhất giữa quy định của BLHS với quy định của Hiến pháp hiện hành (được ban hành năm 2013).

- Không tạo cơ sở để các thế lực thù địch và phần tử chống đối lợi dụng vu cáo Nhà nước ta vi phạm nhân quyền, hạn chế các quyền tự do dân chủ của người dân; tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam mở rộng các giao lưu quốc tế và phục vụ cho việc chính sách đối ngoại hòa bình, rộng mở, đối thoại về nhân quyền với các nước khác trên thế giới.

Với cách tiếp cận trên, chúng tôi xin kiến nghị:

- Giữ nguyên quy định của Điều 258 BLHS hiện hành song bỏ cụm từ "và các quyền tự do dân chủ khác", đồng thời bổ sung thêm cụm từ "quyền khiếu nại, tố cáo" vào khoản 1 của điều luật.

- Thêm dấu phẩy vào giữa hai từ "tự do" và "dân chủ" trong tên gọi của điều luật để chuẩn hóa tội danh của tội phạm này. Tự do và dân chủ là những nhóm quyền cụ thể khác nhau, không nên ghép chung cụm từ "quyền tự do dân chủ" như quy định của Điều 258 BLHS hiện nay.

- Giảm nhẹ mức hình phạt đối với người phạm tội này đối với trường hợp phạm tội ở cả hai khung. Đối với khung 1, chúng tôi kiến nghị giảm mức phạt tù từ sáu tháng đến ba năm xuống mức từ ba tháng đến hai năm. Khung 2 chúng tôi cũng kiến nghị giảm từ hai năm đến bảy năm xuống mức phạt tù từ hai năm đến năm năm.

- Ban hành văn bản giải thích cụ thể tình tiết "phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng" tại khoản 2 Điều 258 để các cơ quan tiến hành tố tụng có

cơ sở pháp lý trong việc thống nhất áp dụng pháp luật, tránh các cách hiểu và giải thích tùy tiện tình tiết này.

Theo phương án này, nội dung của Điều 258 BLHS sửa đổi sẽ như sau:

"Điều 258. Tội lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội, quyền khiếu nại, tố cáo xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng bị phạt tù từ hai năm đến năm năm".

Có thể so sánh quy định của BLHS hiện hành với kiến nghị sửa đổi bổ sung của chúng tôi qua bảng 3.1:

Bảng 3.1: So sánh quy định của BLHS hiện hành với kiến nghị sửa đổi bổ sung của tác giả luận văn

Điều 258 BLHS hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung của tác giả luận văn
Điều 258. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân <i>1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</i> <i>2. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm</i>	Điều 258. Tội lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân <i>1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội, quyền khiếu nại, tố cáo xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</i> <i>2. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm</i>

Nguồn: Tác giả luận văn tổng hợp.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI LỖI DÙNG CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ XÂM PHẠM LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

3.3.1. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa hoạt động lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong đấu tranh phòng chống tội phạm là coi trọng đồng thời cả hai nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Phòng ngừa tốt sẽ có tác dụng làm giảm áp lực cho công tác đấu tranh. Đấu tranh hiệu quả cũng sẽ góp phần làm cho công tác phòng ngừa được tiến hành thuận lợi. Trong mối quan hệ giữa phòng ngừa và đấu tranh, phòng ngừa phải đi trước một bước, là cơ sở cho cuộc đấu tranh chống tội phạm.

Để phòng ngừa có hiệu quả các hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, cần triển khai đồng bộ các biện pháp cụ thể sau đây:

Một là, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, chú ý đến lợi ích của người dân khi phê duyệt và thực hiện các dự án.

Nguyên nhân sâu xa của tội phạm nói chung, trong đó bao gồm cả tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là nguyên nhân kinh tế - xã hội. Do đó, để giải quyết tận gốc vấn đề tội phạm, điều quan trọng nhất là phải phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Phải chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc ít người, để các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, khẩn trương ban hành các luật liên quan đến các quyền tự do, dân chủ của công dân để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 theo tinh thần Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 với mục tiêu: "Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch.. giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân..." [12]. Cụ thể là: 1) củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức thực thi các pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; 2) Hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là tòa án trong việc bảo vệ các quyền đó; xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; 3) Xây dựng các đạo luật về lập hội, biểu tình nhằm xác định rõ quyền, trách nhiệm của công dân trong việc thực thi quyền dân chủ và trách nhiệm của Nhà nước trong việc duy trì, bảo đảm kỷ cương, trật tự công cộng; 4) Hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền trực tiếp giám sát, kiểm tra của công dân đối với các hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước; ban hành Luật về trung cầu ý dân.

Ba là, làm tốt công tác vận động quần chúng, nhất là đối với đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào có đạo, thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đất đai của Đảng và Nhà nước.

Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị tập trung giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là những vấn đề liên

quan trực tiếp đến đời sống, việc làm, đền bù thu hồi đất đai, tệ nạn xã hội. Trong xây dựng thể chế, chính sách, cần quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc: mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải thuận với lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chú trọng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là điều kiện sống, lao động, học tập, sáng tạo, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe.

Quan tâm điều chỉnh hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, các vùng miền, các lĩnh vực; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng, xã hội. Xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực, tham nhũng; giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, kéo dài.

3.3.2. Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh các hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân

Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh mọi hành vi phạm tội là yêu cầu cơ bản của cuộc đấu tranh chống tội phạm, đồng thời cũng là cơ sở để đánh giá tính hiệu quả của cuộc đấu tranh này. Tội phạm tuy đều có đặc tính chung là: tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt song từng hành vi phạm tội cụ thể lại có đặc điểm đặc thù riêng. Do phương thức thực hiện tội phạm mang tính công khai nên hành vi phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân không phải khó phát hiện. Vấn đề cơ bản là phải phân biệt được đâu là hành vi hợp pháp, thực hiện các quyền tự do, dân chủ của công dân, đâu là hành vi trái pháp luật lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích được pháp luật bảo vệ.

Để nâng cao hiệu quả công tác phát hiện và xử lý tội phạm, cần thiết phải:

- Chú trọng công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, pháp luật, đặc biệt là các quy định pháp luật về quyền con người nói chung, trong đó bao

gồm cả các quyền tự do, dân chủ. Như đã trình bày trên, việc nắm bắt thông tin về hành vi lợi dụng tự do dân chủ là không khó do phương thức thực hiện hành vi này là công khai, nhiều người có thể biết và thông báo cho cơ quan chức năng. Yêu cầu đối với cán bộ điều tra là sàng lọc được thông tin, từ nguồn tin thu được để đánh giá, xác định hành vi đã có dấu hiệu của tội phạm hay chưa và cụ thể là có thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành tội phạm của tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân hay không. Muốn vậy, người cán bộ điều tra phải hiểu sâu sắc quy định của pháp luật hiện hành, không chỉ là quy định của BLHS mà còn phải nắm vững quy định pháp luật trong các lĩnh vực khác, nhất là lĩnh vực pháp luật về dân chủ, nhân quyền.

- Trong xử lý hành vi phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, phải quán triệt đầy đủ quan điểm của Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự như nguyên tắc pháp chế, dân chủ, công bằng và nhân đạo XHCN. Việc xử lý hành vi phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân phải trên tinh thần lấy cải tạo, giáo dục, hướng thiện làm chính. Mức độ xử lý phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội cũng như các tình tiết nặng, giảm nhẹ TNHS. Thực hiện nghiêm túc chính sách xử lý tội phạm được quy định trong Điều 3 BLHS hiện hành là:

Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội. Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả

ng nghiêm trọng. Khoản hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra. Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục [28].

- Việc xử lý người phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân phải dựa trên cơ sở pháp luật và tuyệt đối tuân thủ pháp luật, không để các thế lực thù địch và những phần tử chống đối tạo cơ vu cáo Nhà nước ta vi phạm dân chủ, nhân quyền. Trong điều kiện mở cửa, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay, vấn đề bảo vệ quyền con người được đặt ra hết sức cấp bách. Việc xử lý các hành vi trái pháp luật liên quan đến các quyền tự do, dân chủ tương đối nhạy cảm và được dư luận xã hội quan tâm. Các thế lực thù địch và số đối tượng chống đối không từ một thủ đoạn nào, kể cả việc đổi trắng thay đen, bịa đặt sai sự thật để vu khống, nói xấu, bôi nhọ Đảng, Nhà nước ta. Do vậy, để bảo vệ có hiệu quả lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, các cơ quan tiến hành tố tụng phải sử dụng pháp luật như một công cụ đắc lực trong quá trình đấu tranh với tội phạm và đối tượng phạm tội. Bản thân pháp luật là một giá trị xã hội. Nội dung pháp luật phản ánh các yêu cầu về dân chủ, công bằng và lẽ phải mà ai cũng phải thừa nhận và tuân theo. Có thể nói, pháp luật là chỗ dựa chắc chắn nhất để các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật pháp luật, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến các quyền tự do dân chủ của công dân

Cần quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong

công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân và Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Cụ thể là:

- Nội dung của Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về quyền dân sự năm 1966, Chương II Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Trong đó cần nhấn mạnh các quy định mang tính chất nguyên tắc như quy định tại Điều 14 Hiến pháp với khẳng định "Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật" [30]. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; quy định của Điều 15 Hiến pháp:

1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; 2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; 3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; 4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác [30].

- Phải tập trung tuyên truyền quy định của BLHS về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Phải làm cho người dân hiểu đúng bản chất và ý nghĩa của Điều 258 BLHS, hiểu rằng đây là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đấu tranh với hoạt động của các đối tượng dân chủ giả hiệu, lợi dụng quyền tự do, dân chủ để xâm hại lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và công dân.

- Phải tiếp tục tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Đề cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông đại chúng, các cán bộ chuyên trách và Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Xác định rõ nội dung, chương trình

phối hợp, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong từng thời gian, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, địa phương; Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút ra những kinh nghiệm tốt để phát huy, kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót.

- Tích cực đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của từng nhóm đối tượng và các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng cơ quan, tổ chức và các địa phương; lồng ghép công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với việc thực hiện các chương trình, các phong trào vận động quần chúng khác của địa phương.

3.3.4. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp, nâng cao năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp

Để nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật, đấu tranh, xử lý người có hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp, nâng cao năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005. Cụ thể là:

- Đối với ngành Tòa án: nghiên cứu tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm. Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm. Việc thành lập tòa chuyên trách phải căn cứ vào thực tế xét xử

của từng cấp tòa án, từng khu vực. Đổi mới tổ chức Tòa án nhân dân tối cao theo hướng tinh gọn với đội ngũ thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành. Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.

- Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án. Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra.

- Xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra theo hướng cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của cơ quan điều tra chuyên trách. Nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại các cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế XHCN.

- Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc ở các cơ quan tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp, không chỉ là cán bộ trong các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư

pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn.

- Có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và có cơ chế thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài đối với hoạt động của các chức danh tư pháp.

- Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi. Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tóm lại, từ kết quả nghiên cứu luận văn, có thể thấy rằng: việc sửa đổi, bổ sung Điều 258 BLHS là hoàn toàn mang tính khách quan nhằm đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này trong xã hội, không để các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng vu cáo Đảng, Nhà nước ta vi phạm dân chủ, nhân quyền.

Cùng với việc sửa đổi, bổ sung BLHS, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, cần áp dụng đồng thời nhiều biện pháp cụ thể như: tích cực, chủ động phòng ngừa hoạt động lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật pháp luật, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến các quyền tự do dân chủ của công dân; tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp, nâng cao năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp.

KẾT LUẬN

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận dưới đây:

1. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Điều 258 (và các điều luật khác trong phần chung của BLHS), do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm hại lợi ích của Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, xâm hại trật tự chung của xã hội.

2. Cấu thành tội phạm của tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân mang tính khái quát quá cao. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân được thực hiện bằng thủ đoạn lợi dụng quyền tự do, dân chủ đều thuộc phạm vi cấu thành của tội này.

3. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân có nhiều điểm giống và khác so với một số tội phạm được quy định trong BLHS Việt Nam hiện hành như: tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tội phá hoại chính sách đoàn kết (thuộc Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và tội vu khống (thuộc Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người).

4. Tỷ lệ tội phạm tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trên tổng số tội phạm xảy ra trên toàn quốc hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Diễn biến tình hình tội phạm thay đổi không đều qua các năm. Hầu hết các bị cáo bị đưa ra xét xử về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền,

lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân không liên quan đến các hoạt động chống đối chính trị.

5. Việc tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này là một yêu cầu có tính khách quan. Qua nghiên cứu, tác giả luận văn kiến nghị: 1) Bỏ cụm từ "và các quyền tự do dân chủ khác", đồng thời bổ sung thêm cụm từ "quyền khiếu nại, tố cáo" vào khoản 1; 2) Thêm dấu phẩy vào giữa hai từ "tự do" và "dân chủ" trong tên gọi của điều luật để chuẩn hóa tội danh của tội phạm này. 3) Giảm nhẹ mức hình phạt đối với người phạm tội này đối với trường hợp phạm tội ở cả hai khung. Đối với khung 1, chúng tôi kiến nghị giảm mức phạt tù từ sáu tháng đến ba năm xuống mức từ ba tháng đến hai năm. Khung 2 chúng tôi cũng kiến nghị giảm từ hai năm đến bảy năm xuống mức phạt tù từ hai năm đến năm năm; 4) Ban hành văn bản giải thích cụ thể tình tiết "phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng" tại khoản 2 Điều 258 để các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ sở pháp lý trong việc thống nhất áp dụng pháp luật, tránh các cách hiểu và giải thích tùy tiện tình tiết này. Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, tác giả luận văn cũng kiến nghị 4 giải pháp: 1) Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa hoạt động lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; 2) Phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh các hành vi lợi dụng quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; 3) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật pháp luật, nhất là các quy định pháp luật liên quan đến các quyền tự do, dân chủ của công dân; 4) Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp, nâng cao năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Trần Bạt (2008), *Cội nguồn cảm hứng*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 2 (Phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2010), *Từ điển nghiệp vụ Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2014), *Đề cương định hướng sửa đổi Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền, (Một số vấn đề cơ bản của Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Lê Cẩm (2001), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, Tập III*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Lê Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự, Tập IV*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Chính phủ (1956), *Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 của Chủ tịch Nước về chế độ báo chí*, Hà Nội.
11. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đinh Bích Hà (Dịch) (2007), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Đỗ Trung Hiến (2004), *Một suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bình luận và chú giải*, Nxb Lao động, Hà Nội.
18. Jean-Jacques Rousseau (2013), *Khế ước xã hội*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
19. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Hiền Lương và các tác giả khác (Sưu tầm, biên soạn) (2010), *Thăng Long Hà Nội những áng thiên cổ hùng văn*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
21. Montesquieu (1996), *Tinh thần pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Cao Thị Oanh (Chủ biên) (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, (Phần các tội phạm)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2013), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Hoàng Phê (Chủ biên) (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
25. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, Tập VIII, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (1991), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
28. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
31. Tạp chí Dân chủ và pháp luật (1998), *Số chuyên đề về luật hình sự một số nước trên thế giới*, Hà Nội.

32. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập I, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (1998), *Bản án số 1558/1998/HSST, ngày 21/10/1998*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật*, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2008), *Bản án số 124/2008/HSST, ngày 14, 15/10/2008*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2011), *Bản án số 178/2011/HSST, ngày 04/4/2011*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Bản án số 394/2013/HSST, ngày 02/10/2013*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2003), *Bản án số 985/HSST, ngày 12/11/2003*, Hà Nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao (1999 - 2014), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân từ năm 1999 đến tháng 6 năm 2014*, Hà Nội.
41. Tòa án nhân dân tối cao (1999 - 2014), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân từ năm 1999 đến tháng 6 năm 2014*, Hà Nội.
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học (Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
45. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Canada*, Quyển 1, 2, 3, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Nguyễn Minh Tuấn (2006), *Dân chủ ở xã từ góc nhìn pháp lý*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1967), *Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng*, Hà Nội.
54. Viện sử học (1991), *Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức nhà Lê)*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
55. Viện Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Trịnh Tiến Việt (2004), *Bình luận một số vấn đề mới trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
57. Trịnh Tiến Việt (Chủ biên) (2010), *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Trương Quang Vinh (2008), *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật lệ*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.